

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG LAM XUÂN THÀNH

-----ΩΩ-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ “KHU DỊCH VỤ VÀ NHÀ NGHỈ XUÂN THÀNH”

Địa điểm: Xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

HÀ TĨNH, NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG LAM XUÂN THÀNH

-----000-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ “KHU DỊCH VỤ VÀ NHÀ NGHỈ XUÂN THÀNH”

Địa điểm: Xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG LAM XUÂN THÀNH
GIÁM ĐỐC**



Hoàng Sơn Dương

HÀ TĨNH, NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	6
MỞ ĐẦU.....	7
CHƯƠNG I.....	9
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	9
1.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	9
1.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
1.2.1. Tên dự án	9
1.2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư	9
1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án.....	10
1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	11
1.2.5. Quy mô của dự án đầu tư (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)	11
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	12
1.3.1. Công suất của dự án	12
1.3.1.1. Quy mô xây dựng của dự án.....	12
1.3.2. Công nghệ sản xuất dự án	13
1.3.3. Sản phẩm của dự án	16
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ...	16
1.4.1. Hệ thống cấp điện.....	16
1.4.2. Hệ thống cấp nước.....	18
1.4.3. Hóa chất sử dụng.....	20
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC	21
1.5.1. Hiện trạng sử dụng đất.....	21
1.5.2. Các hạng mục công trình của dự án.....	21
1.5.3. Danh mục các thiết bị sử dụng tại dự án.....	23
1.5.4. Tổ chức quản lý và vận hành.....	29
1.5.5. Tình hình tuân thủ pháp luật về môi trường từ trước đến nay	30
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	31
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	31
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	32
CHƯƠNG III	36

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,	36
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	36
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	36
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	36
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	37
3.1.3. Xử lý nước thải.....	39
3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ)	39
3.1.3.2. Xử lý nước thải tập trung.....	40
3.1.3.3. Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.....	48
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	52
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....	54
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	54
3.3.2. Bùn từ hệ thống XLNT	54
3.3.3. Xử lý xác thực vật do quá trình cắt tỉa cành cây, cỏ	55
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	55
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	56
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	57
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	62
CHƯƠNG IV	65
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	65
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	65
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	65
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	65
4.1.3. Dòng nước thải	65
4.1.4. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	65
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	67
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	69
4.2.1. Nguồn phát sinh.....	69
4.2.2. Vị trí phát sinh	69
4.2.3. Tiêu chuẩn tiếng ồn.....	69
4.2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn.....	70
CHƯƠNG V	71
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	71
5.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN	71
5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	71

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	71
5.1.2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý nước thải.....	71
5.1.2.2. Tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện lấy mẫu chất thải	73
5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	73
CHƯƠNG VI	74
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	74

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của dự án.....	12
Bảng 1. 2. Nguồn nước sử dụng của các Villa và Khu dịch vụ công cộng.....	18
Bảng 1. 3. Tính toán nhu cầu cấp nước cho Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành.....	19
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng hóa chất.....	20
Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng.....	25
Bảng 2. 1. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận (Ltd)	34
Bảng 2. 2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (Lnn)	34
Bảng 2. 3. Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.....	35
Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng thoát nước mưa	36
Bảng 3. 2. Các hạng mục công trình của trạm xử lý nước thải.....	44
Bảng 3. 3. Các thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải.....	46
Bảng 3. 4. Các thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước bể bơi	48
Bảng 3. 5. Phân loại chất thải nguy hại	55
Bảng 3. 6. Tổng hợp các thay đổi so với ĐTM được phê duyệt	62
Bảng 4. 1. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	66
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải y tế.....	67
Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	71
Bảng 5. 2. Kế hoạch dự kiến thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải.....	71

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí.....	9
Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình hoạt động lưu trú	15
Hình 1. 3. Một số trạm biến áp tại khu vực.....	17
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	37
Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa.....	37
Hình 3. 3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải	38
Hình 3. 4. Các trạm xử lý nước thải tập trung.....	39
Hình 3. 5. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt.....	39
Hình 3. 6. Nguyên lý cấu tạo của bể lắng kết hợp tách dầu mỡ, bọt nổi	40
Hình 3. 7. Vị trí xả thải.....	42
Hình 3. 8. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải	42
Hình 3. 9. Sơ đồ công nghệ xử lý nước bể bơi.....	48
Hình 3. 10. Thùng chứa chất thải rắn	54

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATLĐ:	An toàn lao động
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CHCN:	Cứu hộ cứu nạn
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
ĐHQG.TPHCM:	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
GPMT:	Giấy phép môi trường
KHKT:	Khoa học kỹ thuật
KK:	Không khí
KT:	Kỹ thuật
NL:	Nhiên liệu
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TB:	Trung bình
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TMDV:	Thương mại dịch vụ
TP:	Thành phố
TXLNT:	Trạm xử lý nước thải
UBND:	Ủy ban nhân dân
VHTN:	Vận hành thử nghiệm
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WHO:	Tổ chức Y tế thế giới

MỞ ĐẦU

Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành là một trong 03 Dự án thành phần thuộc Dự án Khu du lịch Biển và sân Golf Xuân Thành. Dự án được đầu tư xây dựng để kinh doanh nhà ở, các dịch vụ nghỉ dưỡng và dịch vụ phụ trợ khác trong tổng thể toàn bộ Dự án Khu du lịch Biển và sân Golf Xuân Thành, tạo môi trường kinh doanh sôi động, tạo đà cho việc phát triển kinh tế Hà Tĩnh thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Dự án là một khu liên hợp nghỉ dưỡng cao cấp với nhiều dạng nhà ở khác nhau được thiết kế hiện đại và đồng bộ, phù hợp với định hướng quy hoạch chung của khu du lịch biển Xuân Thành nói riêng và của cả tỉnh Hà Tĩnh nói chung, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái bền vững cho toàn bộ khu vực.

Dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh do Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành làm chủ đầu tư được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp chứng nhận đăng ký đầu tư số 28121000021, chứng nhận lần đầu ngày 31/01/2008 và thay đổi lần thứ bốn mã số 3330458558 ngày 25/01/2024. Dự án được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 26/3/2008.

Năm 2020, Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành đề xuất thay đổi nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu du lịch biển và sân golf Xuân Thành (*Thay đổi các nội dung về tách hệ thống xử lý và chuyển đổi công nghệ xử lý nước thải từ bể tự hoại BASTAF kết hợp hóa lý, sinh học sang công nghệ Johkasou Nhật Bản với tổng công suất 589m³; Thay đổi chương trình quan trắc giám sát nước thải với 07 vị trí giám sát (trong đó 06 vị trí tại các trạm xử lý số 1,2,3,4,6,7; nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo đạt cột B – QCVN 14:2008/BTNMT và 01 vị trí tại trạm xử lý số 5, nước thải sau xử lý phải đảm bảo cột B=QCVN 28:1010/BTNMT; Nước thải của Dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sau đó được dẫn về bể chứa ngầm phục vụ tưới cây trong khuôn viên Dự án))*) và đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh đồng ý tại Văn bản số 902/UBND-NL₂ ngày 20/2/2020.

Năm 2021, Công ty đề xuất thay đổi nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt và Văn bản số 902/UBND-NL₂ ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh (*Nước thải của Dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, nước thải được dẫn ra hệ thống thoát nước chung và thải ra các nguồn tiếp nhận là vùng biển ven bờ tại khu vực dự án thuộc xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, không tận dụng để tưới cây trong khuôn viên dự án*) và đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh chấp nhận tại Văn bản số 1905/STNMT-TNN&BĐ ngày 28/5/2021.

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của

Luật bảo vệ môi trường thì Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là dự án nhóm II và thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình UBND tỉnh Hà Tĩnh thẩm định và cấp phép. Do vậy, Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành (Chủ dự án) đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị tư vấn) thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Giấy phép môi trường được cấp sẽ được lấy làm căn cứ trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của dự án cũng như làm căn cứ cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án trong quá trình thi công và đi vào hoạt động.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành.
- Địa chỉ: Thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
- Đại diện: Ông Hoàng Sơn Dương; Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 02393582666; Fax: 02393582777
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu số 28121000021 ngày 31/01/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 4, mã số Dự án: 3330458558 ngày 25/01/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 3000352938 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký lần đầu ngày 19/07/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/05/2023.

1.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

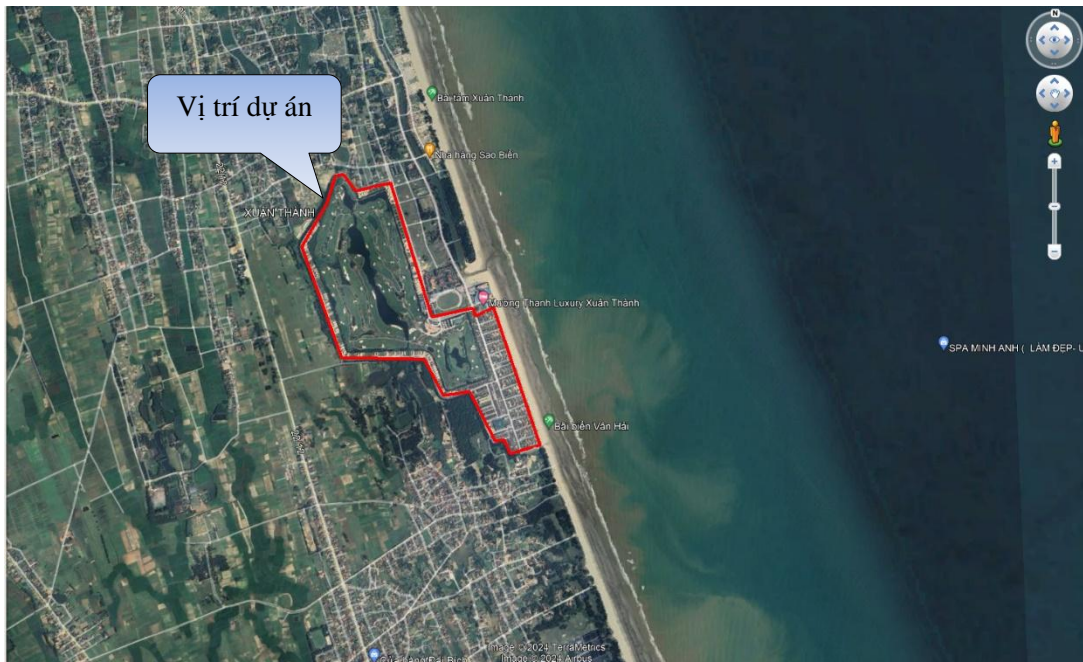
1.2.1. Tên dự án

Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành tại thôn Thành Vân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành thuộc thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh được xây dựng trên khu đất có diện tích 347.785m². Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

- + Phía Bắc: Giáp Dự án Khu du lịch dịch vụ Bảo Việt.
- + Phía Đông: Giáp biển Đông.
- + Phía Nam: Giáp Khu đất rừng phòng hộ xã Cổ Đạm.
- + Phía Tây: Giáp đất rừng phòng hộ và vườn tạp xã Xuân Thành và xã Cổ Đạm.



Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các quyết định có liên quan đến quy hoạch, chủ trương đầu tư:

+ Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 04/2/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ: 1/500 - Khu du lịch và sân Golf Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;

+ Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tổng thể mặt bằng xây dựng Dự án Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500;

+ Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành (Dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành của Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành), tỷ lệ 1/500;

+ Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành (Dự án Khu du lịch và nhà nghỉ Xuân Thành), tỷ lệ 1/500.

+ Giấy phép xây dựng số 38/GPXD ngày 13/6/2016 do Sở xây dựng tỉnh Hà Tĩnh cấp cho Dự án.

+ Giấy phép xây dựng số 70/2024/GPXD ngày 20/8/2024 do UBND huyện Nghi Xuân cấp cho Dự án.

- Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc cho phép Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành gia hạn tiến độ sử dụng đất để tiếp tục thực hiện Dự án “Khu du lịch và nhà nghỉ Xuân Thành” tại xã Xuân Thành và xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân.

- Hồ sơ, thủ tục về đất đai:

+ Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp;

+ Hợp đồng thuê đất số 130/2013/HĐTĐ ngày 31/12/2013 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh cho Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành thuê đất;

+ Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Văn bản liên quan đến PCCC&CNCH:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 56/TD-PCCC ngày 19/4/2016 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Hà Tĩnh (*Công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cấp nước chữa cháy ngoài nhà Dự án Nhà nghỉ, khu nghỉ dịch vụ Xuân Thành và sân golf Xuân Thành*);

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 43/TD-PCCC ngày 28/04/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Hà Tĩnh (*Công trình: Hệ thống cấp nước chữa cháy thuộc đầu tư cơ sở Hạ tầng Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành*).

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 106/TD-PCCC ngày 10/9/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Hà Tĩnh (*Công trình: Văn phòng quản lý Công ty Hồng Lam (Nhà A,B), nhà dịch vụ hồ bơi, nhà quản lý khu tắm biển, vệ sinh công cộng, trạm y tế và nhà dịch vụ giữ trẻ thuộc Dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành*).

1.2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Các quyết định, giấy phép và văn bản có liên quan đến môi trường:

+ Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 26/3/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình Khu dịch vụ và nhà ở Xuân Thành tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;

+ Văn bản số 902/UBND-NL₂ ngày 20/2/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thay đổi nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành;

+ Văn bản số 1905/STNMT-TNN&BD ngày 28/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phúc đáp ý kiến lập báo cáo xả nước thải tại Dự án Khu du lịch biển và sân golf Xuân Thành.

1.2.5. Quy mô của dự án đầu tư (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Tổng mức đầu tư: **930.000.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi tỷ đồng)**.

- Quy mô về diện tích: **347.785 m²** (Theo Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 16/04/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tổng thể mặt bằng xây dựng Dự án Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 11/05/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành (Dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành của Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành), tỷ lệ 1/500; Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành (Dự án Khu du lịch và nhà nghỉ Xuân Thành), tỷ lệ 1/500).

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư công: Căn cứ tiêu chí phân loại tại điểm d, đ khoản 5 Điều 8 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ thì đối với dự án có tổng mức đầu tư từ **800 tỷ đồng trở lên** được phân loại vào **Dự án thuộc nhóm A**.

- Dự án thuộc Danh mục các **Dự án đầu tư nhóm II** có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại Khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường theo quy định tại hàng số 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ (Dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường).

Vì vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc đối tượng lập Giấy phép môi trường theo mẫu phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.3.1. Công suất của dự án

1.3.1.1. Quy mô xây dựng của dự án

- Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành có diện tích sử dụng đất 347.785m², bao gồm các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Chức năng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Quy mô		Tầng cao (Tầng)
				Căn hộ (Hộ)	Số người	
1	Đất xây dựng villa	204.881,79				
1.1	Nhà villa 1	96.892,83	29.871,90	202	808	1
	- Villa 2 phòng ngủ		17.665,22	134	536	
	- Villa 3 phòng ngủ		12.206,68	68	272	
1.2	Villa biển - Villa 2	81.996	23.403,86	158	632	1
	- Villa 2 phòng ngủ		13.710,32	104	416	
	- Villa 2 phòng ngủ		9.693,54	54	216	
1.3	Villa vườn	25.992,96		216	864	
-	Nhà liền kề	19.540,34	19.540,34	186	744	3-4
	+ Nhà liền kề (4 tầng)		7.920,00	85	340	4
	+ Nhà liền kề (3 tầng)		11.620,34	101	404	3
-	Villa vườn	4.866,44	1.845,62	14	56	
-	Nhà ở Condominium	1.586,18	1.586,18	16	64	
2	Đất công cộng, dịch vụ	86.815,6				
2.1	Nhà dịch vụ hồ bơi	581,11				
2.2	Hồ bơi công cộng	1.537,52				

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

2.3	Khu dịch vụ công cộng và thương mại	5.833,77				
2.4	Nhà dịch vụ giữ trẻ	914,77				2
2.5	Trạm y tế	687,64				2
2.6	TĐTT ngoài trời	1.805,18				
2.7	Nhà CLB tennis	702,82				
2.8	Nhà quản lý khu tắm biển	1.373,8				
2.9	Bãi đỗ xe và vệ sinh công cộng	1.000,64				
2.1	Khu vực trồng cây xanh	13.059,79				
2.11	Khu đất giao thông nội bộ	59.318,56				
3	Trồng, bảo vệ rừng phòng hộ	55.731				
4	Đất xử lý nước thải	356,61				
4.1	Trạm XLNT số 1	80	19			
4.2	Trạm XLNT số 3	90	84			
4.3	Trạm XLNT số 4	90	37			
4.4	Trạm XLNT số 5	104,61	84			
4.5	Trạm XLNT số 6	92	40			
	Tổng diện tích	347.785		576	2.304	1-4

(Nguồn: Hồ sơ Dự án)

1.3.1.2. Quy mô hoạt động của dự án

- Xây dựng Villa sân golf (Villa 1), Villa bãi biển (Villa 2), Villa vườn (Villa 3): Bán và cho thuê nhà ở, tổng số khoảng 576 căn biệt thự liền kề.

- Trồng, bảo vệ rừng phòng hộ.

- Xây dựng các khu dịch vụ công cộng: Nhà dịch vụ hồ bơi; Hồ bơi công cộng; Dịch vụ công cộng và thương mại; Nhà dịch vụ giữ trẻ; Trạm y tế; TĐTT ngoài trời và nhà CLB tennis (TĐTT đa năng và nhà CLB tennis); Nhà quản lý khu tắm biển; Khu xử lý nước thải; Bãi đỗ xe và vệ sinh công cộng; Khu vực trồng cây xanh; Khu đất giao thông nội bộ.

- Tổng số cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án (tại thời điểm lớn nhất): Khoảng 500 người.

1.3.2. Công nghệ sản xuất dự án

Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành được đầu tư xây dựng để kinh doanh nhà ở, các dịch vụ nghỉ dưỡng và các dịch vụ phụ trợ khác không thuộc nhóm dự án sản xuất do đó không có công nghệ sản xuất. Là khu ở kết hợp dịch vụ, du lịch tổng hợp đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân và nhu cầu nghỉ ngơi, thể thao, vui chơi, giải trí, ăn uống của khách du lịch và khách địa phương.

Khu biệt thự thấp tầng bao gồm các khu Villa 1, Villa 2 được bố trí vòng quanh sân Golf và dọc theo bờ biển, khai thác tối đa không gian cảnh quan khu sân Golf và không gian hướng biển. Các công trình trong khu được thiết kế đồng bộ nhằm tạo nhịp điệu và lặp lại.

Khu Vila 3 chủ yếu là các dãy nhà chia lô (với mặt tiền mỗi căn là 5m, chiều dài mỗi nhà từ 17-22m) kết hợp với công trình Condominium (chung cư thấp tầng) và các công trình dịch vụ khác như trường học, nhà giữ trẻ, siêu thị, trạm y tế,... Các công trình này được kết hợp với khu dịch vụ thể thao cây xanh nhằm tạo không gian công cộng dịch vụ liên hoàn, trở thành trung tâm tiêu khu.

❖ Cơ cấu chức năng các khu vực:

- *Villa 1 - Villa sân Golf (Khu biệt thự liền kề):*

+ Được xây dựng tại lô đất bao quanh khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành, tạo ranh giới cho khu sân Golf, tổng diện tích là 96.892,83 m², công trình dạng biệt thự đơn lập, có hướng nhìn ra sân Golf và biển.

+ Bố trí chức năng: Tầng 1 gồm các phòng khách, sinh hoạt chung, bếp, phòng ăn, phòng làm việc, gara ô tô, phòng phục vụ, khu vệ sinh và phụ trợ; Tầng 2 gồm không gian sinh hoạt chung, các phòng ngủ, không gian phụ trợ (balcon, khu vệ sinh, thay đồ...); Tầng 3 gồm phòng giặt là, kho và sân chơi.

- *Villa 2 - Villa biển (Khu biệt thự liền kề):*

+ Được xây dựng thành nhiều lớp nhà dọc theo bờ biển, là công trình dạng biệt thự song lập, diện tích 81.996 m².

+ Bố trí chức năng: Tầng 1 gồm các phòng khách, sinh hoạt chung, bếp và phòng ăn, phòng làm việc, gara ô tô, phòng phục vụ, khu vệ sinh và phụ trợ; Tầng 2 gồm không gian sinh hoạt chung, các phòng ngủ, không gian phụ trợ (balcon, khu vệ sinh, thay đồ...); Tầng 3 gồm phòng giặt là, kho và sân chơi.

- *Villa 3 - Villa vườn (Nhà liền kề, Villa vườn, Nhà ở Condominium):*

+ Được xây dựng ở phía Đông Nam khu đất dự án. Công trình gồm các block tòa nhà nằm hai bên trục đường, được ghép với nhau thành các dãy theo quy hoạch của dự án.

+ Khu biệt thự thấp tầng được hợp khối tạo thành các cụm công trình, bố trí khai thác triền dốc thoải về phía biển, có diện tích 25.992,96 m².

- *Khu trung tâm dịch vụ công cộng và thương mại:*

+ Được bố trí tại trung tâm của khối Bungalow và nhà ở tiếp giáp với dãy biệt thự bao quanh sân Golf.

+ Bao gồm Nhà dịch vụ hồ bơi; Hồ bơi công cộng; Dịch vụ công cộng và thương mại; Nhà dịch vụ giữ trẻ; Trạm y tế; TTDT ngoài trời và nhà CLB tennis (TDTT đa năng và nhà CLB tennis); Nhà quản lý khu tắm biển; Khu xử lý nước thải; Bãi đỗ xe và vệ sinh

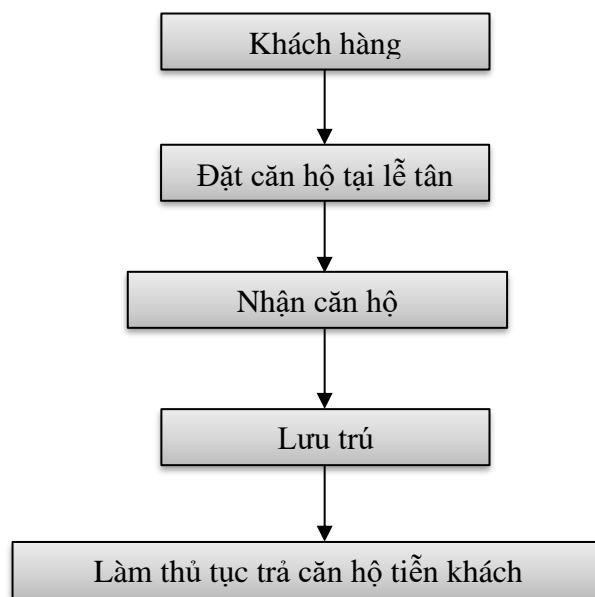
công cộng; Khu vực trồng cây xanh; Khu đất giao thông nội bộ.

- Dự án là nơi lưu trú, nghỉ dưỡng cao cấp, cung cấp đầy đủ dịch vụ vui chơi giải trí cho cư dân và du khách.

- Khách hàng đến sử dụng dịch vụ sẽ được bộ phận tiếp tân tiếp đón niềm nở. Khách lưu trú tại đây sẽ được hướng dẫn sử dụng các loại hình dịch vụ và được nhân viên dịch vụ dẫn tới khu vực lựa chọn.

- Đối với khách hàng tham gia vào các lĩnh vực giải trí, ăn uống, tiệc,... không lưu trú sẽ được bộ phận nhân viên dịch vụ hướng dẫn các thủ tục lưu trú trong ngày, đảm bảo an toàn và an ninh cho du khách.

❖ Quy trình hoạt động lưu trú:



Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình hoạt động lưu trú

- *Giai đoạn khách đến để lưu trú:*

Khách sử dụng dịch vụ tại dự án thông qua bộ phận lễ tân. Tại đây, khách sẽ được đón tiếp, hướng dẫn làm thủ tục nhận căn hộ. Nhân viên lễ tân xác nhận tình trạng đặt căn hộ của khách và tiến hành làm thủ tục nhận căn hộ cho khách.

Nhân viên lễ tân dựa vào các thông tin từ phiếu đặt căn hộ như: Số lượng căn hộ, loại căn hộ, thời gian lưu trú, các yêu cầu đặc biệt về vị trí của căn hộ.

Khi thủ tục nhận căn hộ hoàn thành, nhân viên lễ tân giới thiệu, tư vấn các dịch vụ có trong khu du lịch cho khách hàng, sau đó nhân viên hành lý sẽ mang hành lý và đưa khách đến địa điểm nhận căn hộ, hướng dẫn khách cách sử dụng các thiết bị trong căn hộ.

- *Giai đoạn khách lưu trú:*

Trong thời gian lưu trú, lễ tân đại diện trực tiếp tiếp xúc, phục vụ, hướng dẫn khác, sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc khi có yêu cầu đồng thời chịu trách nhiệm phối

hợp với các bộ phận dịch vụ khác để mang lại sự hài lòng tốt nhất cho khách hàng. Mục đích của giai đoạn này là chăm sóc khách hàng, xây dựng thương hiệu.

- Giai đoạn khách thanh toán, trả căn hộ:

Nhân viên lễ tân nhận chìa khóa căn hộ và cho nhân viên kiểm tra lại căn hộ, sau đó sẽ thực hiện các thủ tục trả căn hộ. Nhân viên thu ngân chịu trách nhiệm chính trong làm thủ tục thanh toán, chuyển hóa đơn thanh toán cho khách. Bộ phận lễ tân trả lại giấy tờ tùy thân cho khách, gửi lời cảm ơn và chào tạm biệt khách lịch sự.

1.3.3. Sản phẩm của dự án

- Bán và cho thuê nhà ở, khu biệt thự liền kề.
- Cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái biển, khu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, lưu trú cao cấp.
- Dịch vụ vui chơi giải trí.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÊ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.4.1. Hệ thống cấp điện

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ đường dây 35kV đã xây dựng và lắp đặt tại khu vực, từ trạm biến áp cấp điện cho tủ điện tổng đặt ở tầng kỹ thuật của dự án. Từ trạm biến áp đến tủ điện tổng và từ tủ điện tổng đến các tủ điện tổng cụm phụ tải và tủ điện tổng mỗi tầng bằng đường dây cáp đặt trong thang cáp hoặc mang cáp. Trong hộp kỹ thuật là thang cáp, ngầm trần là máng cáp.

- Có tổng 07 trạm biến áp phục vụ cho toàn bộ khu vực.

- Lưới điện trung thế: Tuyến cáp ngầm XLPE-3x150- 35kV từ điểm đầu đường dây nổi đầu khu vực về trạm hạ thế của từng cụm phụ tải. Điểm đầu sử dụng cầu dao phụ tải để thuận tiện trong thao tác đóng cắt. Hướng tuyến cáp ngầm sẽ đi trên vỉa hè đường chính, cấp điện cho trạm hạ thế qua các cầu dao cao áp 3 pha.

- Trạm biến áp hạ thế: Trạm xây kín, mái bê tông, cửa các ngăn cao áp, ngăn máy biến áp và hạ áp bằng khung thép bọc tôn mạ kẽm. Móng máy có các hố thu hồi dầu phòng khi có sự cố.

- Lưới điện hạ thế đi ngầm toàn bộ khu vực. Cáp hạ thế được chôn trực tiếp trong đất với độ sâu trung bình khoảng 80-100cm. Các đoạn qua đường được bảo vệ cơ học bằng ống nhựa chịu lực hoặc ống thép. Từ đường trục hạ thế đấu nối lên thanh cái hạ áp các tủ Piler 0,4kV. Công tơ điện từng hộ được đặt tại từng nhà qua cáp rẽ nhánh. Mỗi tủ hạ áp cấp điện cho từ 4-6 hộ nhà thấp tầng. Riêng khu nhà ở ghép hộ Condominium thì cáp hạ thế các dây được đi trong máng cáp trên trần kỹ thuật của dây.

- Đường điện chiếu sáng: Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tất cả các tuyến đường trong toàn khu vực đảm bảo theo yêu cầu chiếu sáng đô thị. Chiếu sáng đường giao thông bằng đèn Sodium cao áp ánh sáng vàng 220V/250W lắp trên cột mạ kẽm cao 8m.

Tuyến cáp chiếu sáng từ trạm biến áp đến cột đèn dùng cáp ngầm

Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC(4x25)mm².



Trạm biến áp khu vực Villa Golf



Trạm biến áp khu vực Villa Golf



Trạm biến áp khu vực Villa Golf



**Trạm biến áp khu vực TTTM, nhà giữ trẻ,
trạm y tế**



**Trạm biến áp khu vực Khu Shophouse và
Villa biển**



Trạm biến áp của Villa biển

Hình 1. 3. Một số trạm biến áp tại khu vực

1.4.2. Hệ thống cấp nước

(1) Nguồn nước:

Bảng 1. 2. Nguồn nước sử dụng của các Villa và Khu dịch vụ công cộng,

thương mại

TT	Nhu cầu sử dụng nước	Khu Villa	Khu dịch vụ công cộng và thương mại
1	<ul style="list-style-type: none">- Nước sinh hoạt của dân cư và khách du lịch tại các khu nhà biệt thự liền kề.- Nước sinh hoạt của khách tham gia dịch vụ như dịch vụ công cộng và thương mại, dịch vụ hồ bơi, câu lạc bộ tennis, trạm y tế.- Nước sinh hoạt của cán bộ nhân viên và học sinh tại nhà dịch vụ giữ trẻ.- Nước cấp bổ sung cho các bể bơi trong khu vực.- Nước sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án.		Nguồn nước sạch do Chi nhánh Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Nghi Xuân cấp.
2	<ul style="list-style-type: none">- Tưới cây xanh, thảm cỏ		
3	<ul style="list-style-type: none">- Nước dự trữ PCCC- Nước dự phòng, rò rỉ		

(2) Nhu cầu sử dụng nước:

- Nhu cầu sử dụng nước của dự án: Nhu cầu sử dụng nước của dự án chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt, nước tưới cây rửa đường, nước phòng cháy chữa cháy, nước dự phòng rò rỉ.

*Căn cứ tính toán nhu cầu sử dụng nước tại Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành:

- Nhu cầu sử dụng nước tại các khu biệt thự liền kề:

+ Tổng số căn biệt thự, nhà liền kề, nhà ở Condominium của dự án là: 576 căn.

Quy mô dân số khoảng 2.304 người.

+ Các hoạt động dịch vụ trong khu vực dự án như: Dịch vụ công cộng và thương mại, dịch vụ hồ bơi, câu lạc bộ tennis: 10% nước cấp sinh hoạt.

+ Nhà dịch vụ giữ trẻ, diện tích 914,77m². Quy mô khoảng 76 trẻ, 11 giáo viên.

+ Trạm y tế: Diện tích 687,64m², quy mô khoảng 30 lượt khám chữa bệnh/ngày.

+ Cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án: Khoảng 500 người.

+ Nước cấp bổ sung cho các bể bơi trong khu vực dự án: Tính bằng 10% dung tích các bể bơi.

+ Nước tưới cây rửa đường: Diện tích 13.059,79m².

+ Nước phòng cháy chữa cháy.

+ Nước dự phòng, rò rỉ.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động tại khu vực dự án như sau:

Bảng 1. 3. Tính toán nhu cầu cấp nước cho Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành

TT	Thành phần	Quy mô		Tiêu chuẩn dùng nước (ngày)		Q (m ³ /ng.đ)
		Số lượng	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	
1	Cấp nước sinh hoạt (Q_{tb})					460,41
1.1	Dân cư và khách du lịch	2.304	Người	100,0	l/ng.đ	230,4
1.2	Cán bộ công nhân viên	500	Người	100,0	l/ng.đ	50
1.3	Khu dịch vụ công cộng và thương mại; CLB tennis; Nhà dịch vụ hồ bơi; nhà quản lý khu tắm biển; nhà vệ sinh công	10% x Q _{sh}				31,6
1.4	Nhà dịch vụ giữ trẻ	87	Người	75	l/ng	6,52
1.5	Trạm y tế	30	Người	15	l/ng	0,45
1.6	Bể bơi	1.500	m ³	10% dung tích bể		150
2	Nước tưới cây (Q_{tc})					39,17
2.1	Cây xanh villa 1,2,3	13.059,79	m ²	3	l/m ²	39,17
3	Nước dự phòng, rò rỉ (Q_{dp})	Q_{dp} = 10% x Q_{sh}				23,04
4	Nước PCCC (Q_{pc})					135
Tổng nhu cầu sử dụng nước		Q = (Q_{tb} + Q_{tc} + Q_{dp} + Q_{pc})				760,34

Ghi chú: Nhu cầu sử dụng nước chữa cháy: Theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy (TCVN 2622-1995), cần phải đảm bảo một lượng nước chữa cháy cho khu vực liên tục trong 03 giờ.

Lưu lượng nước chữa cháy tính cho 1 đám cháy xảy ra, thời gian chữa cháy 3 giờ, lưu lượng chữa cháy 2,5 l/s cho một đám cháy, số họng tham gia chữa cháy là: 5 họng, áp lực tự do chữa cháy 20m. Như vậy, lượng nước tạm tính cho 01 đám cháy là:

$$Q_{pccc} = (2,5 \times 5 \times 3 \times 3600) / 1.000 = 135 \text{m}^3.$$

→ Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước của dự án là Q_{cn} :

$$Q_{cn} \approx 760 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$$

Trong đó: Nguồn cấp nước cho PCCC và bể bơi là không thường xuyên.

1.4.3. Hóa chất sử dụng

Hóa chất sử dụng để vệ sinh bể bơi, xử lý nước thải và phục vụ vệ sinh phòng, chăm sóc cây xanh.

- Khu vực vệ sinh phòng: Hóa chất làm sạch gốc axit (như Hóa chất rửa bồn cầu nhu cầu khoảng 0,356 lít/ngày, hóa chất lau sàn nhu cầu khoảng 0,34 lít/ngày, hóa chất lau kính nhu cầu khoảng 0,136 lít/ngày, hóa chất giặt là nhu cầu khoảng 0,108 lít/ngày...).

- Vệ sinh khu vực bể bơi:

+ Chlorine 90%: Sử dụng liều lượng duy trì hàng ngày 2-3g/m³ nước.

+ Soda: Sử dụng liều lượng từ 1-3kg/100m³/lần.

+ PAC: Liều lượng khoảng 2kg/100m³/lần.

=> Các hóa chất sử dụng được kiểm định nghiêm ngặt và có bộ phận vệ sinh trực tiếp quản lý thực hiện.

- Hóa chất bảo vệ thực vật phát sinh trong quá trình chăm sóc cỏ, cây xanh; Các phân bón như Đạm, phân, Kaly, vôi sử dụng lượng vừa phải tùy thuộc vào mùa.

Các loại hóa chất, nước tẩy rửa sẽ được lựa chọn các sản phẩm từ những nhãn hàng uy tín.

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng hóa chất

TT	Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng
I	Hóa chất vệ sinh phòng		
1	Hóa chất rửa bồn cầu: Vim, gift, duck	lít/tháng	10,6
2	Hóa chất lau sàn: Vim, gift	lít/tháng	10,2
3	Hóa chất lau kính: Klen, scenic,...	lít/tháng	4,1
4	Hóa chất giặt là	lít/tháng	6,5
II	Hóa chất xử lý hồ bơi		
1	Chlorin 90%	kg/ngày	4,5
2	Pool Clear	lít/lần/2 tuần	4,5
3	Soda	kg/lần/tuần	4,5
4	PAC	kg/2lần/tuần	60
5	A-trine	lít/lần/2 tuần	8,0
6	Đồng Sunfat	kg/lần/tuần	6,0
III	Hóa chất xử lý nước thải		
1	PAC trợ lắng	kg/lần/ngày	2,3
2	NaOH điều chỉnh pH	lít/lần/ngày	1,9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”

3	Javen NaOCl 10% khử trùng	lít/lần/ngày	1,9
IV	Hóa chất thuốc bảo vệ thực vật		
1	Phân hạt NPK Đầu trâu Đa năng 10- 10-10+TE	kg/tháng	27,5
2	Phân bón Supe Lân Lâm Thao	kg/tháng	30
3	Đạm Phú Mỹ Urea	kg/tháng	28,1
4	Thuốc kích rễ N3M	lít/tháng	40
5	Thuốc diệt rệp trắng	lít/tháng	16,7
6	Thuốc chữa bệnh héo xanh BONNY	lít/tháng	16
7	Thuốc chữa bệnh đốm vi khuẩn PUNKTOL RED	lít/tháng	16
8	Thuốc diệt sâu hại ABA PRO	lít/tháng	18,2
9	Phân bón lá AMINO MAX	kg/tháng	20

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1.5.1. Hiện trạng sử dụng đất

Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, có tổng diện tích 347.785m² do Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành làm chủ đầu tư. Khu đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 812064 ngày 28/8/2014 được cấp với diện tích là 55.771m² (Khu đất trồng, bảo vệ rừng phòng hộ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 812065 ngày 28/8/2014 được cấp với diện tích là 85.140m² (Khu đất công cộng, dịch vụ) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 812066 ngày 28/8/2014 được cấp với diện tích là 206.874m² (Khu đất xây dựng villa sân golf, Villa bãi biển, Villa vườn).

1.5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Dự án đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành (Dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành của Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành) tại Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Khối lượng các hạng mục công trình của Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành như sau:

a. Hạng mục công trình chính:

❖ Khu đất xây dựng Villa (Khu biệt thự liền kề): Diện tích đất 204.881,79 m² gồm 576 căn. Trong đó:

- Khu Villa 1 (Khu Villa sân Golf): Diện tích đất 96.892,83 m². Bao gồm:

+ Villa 2 phòng ngủ: 134 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây dựng mỗi căn 131,83 m²/căn.

+ Villa 3 phòng ngủ: 68 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây dựng mỗi căn 179,51 m²/căn.

- Khu Villa 2 (Khu Villa bãi biển): Diện tích đất 81.996 m². Bao gồm:

+ Villa 2 phòng ngủ: 104 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây dựng mỗi căn 131,83 m²/căn.

+ Villa 3 phòng ngủ: 54 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây dựng mỗi căn 179,51 m²/căn.

- *Khu Villa 3 (Khu Villa vườn): Diện tích đất 25.992,96 m². Bao gồm:*

+ Villa 2 phòng ngủ: 14 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây dựng 131,83 m²/căn.

+ Nhà liền kề loại 5x22m: 66 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây dựng 100 m²/căn.

+ Nhà liền kề loại 5x20m: 101 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây 110 m²/căn.

+ Nhà liền kề loại 5x17m: 19 căn, chiều cao 01 tầng, diện tích xây dựng 85 m²/căn.

+ Nhà Condominium: 16 căn, diện tích xây dựng mỗi căn khoảng 100m²/căn.

❖ *Khu đất công cộng, dịch vụ: Diện tích đất 86.815,6 m² bao gồm: Nhà dịch vụ hồ bơi: 581,11 m²; Hồ bơi công cộng: 1.537,52 m²; Khu dịch vụ công cộng và thương mại: 5.833,77 m²; Nhà dịch vụ giữ trẻ: 914,77 m²; Trạm y tế: 687,64 m²; TDTT ngoài trời: 1.805,18 m²; Nhà CLB tennis: 702,82 m²; Nhà quản lý khu tắm biển: 1.373,8 m²; Bãi đỗ xe và vệ sinh công cộng: 1.000,64 m²;*

❖ *Khu đất trồng, bảo vệ rừng phòng hộ: 55.731 m²*

b. Hạng mục công trình phụ trợ:

+ Khu vực trồng cây xanh: 13.059,79 m²

+ Khu đất giao thông nội bộ: 59.318,56 m².

c. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 26/3/2008.

Trong quá trình thực hiện, Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số nội dung liên quan đến hệ thống xử lý nước thải như công nghệ xử lý nước thải, tiêu chuẩn xả nước thải, công suất của hệ thống xử lý nước thải và được chấp thuận tại Văn bản số 902/UBND-NL₂ ngày 20/2/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thay đổi nội dung Báo cáo ĐTM Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành.

Đối với Dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành có các hạng mục công trình bảo vệ môi trường được điều chỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

- Thay đổi các nội dung về tách hệ thống xử lý và chuyển đổi công nghệ xử lý nước thải từ bể tự hoại BASTAF kết hợp hóa lý, sinh học sang công nghệ Johkasou Nhật Bản với tổng công suất 589m³ (Trong đó Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành có tổng công suất 431m³, cụ thể: Trạm xử lý nước thải số 1 (công suất 19m³/ngày đêm: xử lý nước thải biệt thự liền kề; Trạm xử lý nước thải số 3 (công suất 147 m³/ngày đêm): Xử lý nước thải khu biệt thự liền kề; Trạm xử lý nước thải số 4 (công suất 42 m³/ngày đêm): Xử lý nước thải khu biệt thự liền kề; Trạm xử lý nước thải số 5 (công suất 153 m³/ngày đêm): Xử lý nước thải khu biệt thự liền kề, trường học, trạm y tế, nhà giữ trẻ, nhà dịch vụ công cộng và thương mại; Trạm xử lý nước thải số 6 (công suất 70 m³): Xử lý nước thải biệt thự liền kề).

- Thay đổi chương trình quan trắc, giám sát nước thải với 07 vị trí giám sát (Trong đó có 5 vị trí tại các trạm xử lý số 1, 3, 4, 5, 6 thuộc Khu dịch vụ và nghỉ dưỡng Xuân Thành). Nước thải sau khi xử lý tại các trạm XLNT số 1, 3, 4, 6 xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà ở biệt thự liền kề phải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1; trạm XLNT số 5 phải đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ trạm y tế, áp dụng cột B, hệ số K = 1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau đó được dẫn về bể chứa ngầm phục vụ tưới cây trong khuôn viên dự án.

Căn cứ Văn bản số 1905/STNMT-TNN&BD ngày 28/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phúc đáp ý kiến lập báo cáo xả nước thải tại Khu du lịch biển và sân Golf Xuân Thành. Dự án có một số nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và Văn bản số 902/UBND-NL2 ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh như sau:

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn đối với nước thải tương ứng, nước thải được dẫn ra hệ thống thoát nước chung và thải ra các nguồn tiếp nhận, không tận dụng để tưới cây trong khuôn viên dự án (Lý do: Nước thải tận dụng tưới cây phải xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1. Với công nghệ xử lý nước thải đã được chấp thuận tại Văn bản 902/UBND-NL2 ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh thì không thể xử lý nước thải đạt quy chuẩn nêu trên nên Chủ dự án xin thay đổi phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn và được xả thải ra nguồn nước tiếp nhận là vùng biển ven bờ tại khu vực dự án thuộc xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh).

- Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt tại các khu vực phát sinh có bể tự hoại cải tiến để xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về các trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý. Toàn bộ tuyến ống thu gom nước thải bằng đường ống bê tông cốt thép D300 đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh về các Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống thu gom nước mưa: Hướng thoát nước chính từ phía Bắc xuống Nam, phía Tây sang phía Đông. Hệ thống cống thoát nước mưa bố trí quanh các tòa nhà thu nước mưa, kết cấu BTCT, phía trên có nắp đậy kín bằng Gang thu nước, kích thước đường kính cống từ 300mm đến 1000mm, tổng chiều dài cống 9.135 m, trên tuyến thoát có các hố ga thu nước.

Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 50 m² đặt tại phía Đông Nam của dự án (Khu biệt thự biển) sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn nguy hại, diện tích 10 m² đặt tại phía Đông Nam của dự án sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển thu gom và xử lý theo đúng quy định.

1.5.3. Danh mục các thiết bị sử dụng tại dự án

Danh mục các thiết bị, máy móc sử dụng tại dự án được thống kê như sau:

Bảng 1. 5. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng

STT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn quản lý Hòa Phát BTP-05-01PU	Cái	1
2	Ghế quản lý Hòa Phát GL304	Cái	1
3	Tủ tài liệu 2 cánh CA-KL-18N-03-1	Cái	1
4	Bàn Làm việc 1,2m Hòa Phát 1200x600x750cm Kỹ Thuật	Cái	1
5	Màn hình led Dell 19,5"	Cái	1
6	Máy in Laser Jet Conon LBP6030	Cái	1
7	Máy tính để bàn Dell Vostro 3861	Bộ	1
8	Bàn làm việc	Cái	1
9	Đệm 1mx1,9m	cái	1
10	Ghế quỳ màu đen	cái	1
11	Hộp mực máy in	Cái	1
12	Két sắt tài liệu	Cái	1
13	Máy in Canon 2900	Bộ	1
14	Máy vi tính Dell Vostro(màn hình+cpu)	Cái	1
15	Tủ sắt cửa kính tài liệu Hòa Phát	Cái	2
16	Bàn làm việc	Cái	1
17	Ghế quỳ màu xanh	cái	1
18	Màn hình led Dell 19,5"	Cái	1
19	Máy tính để bàn Dell Vostro 3681	Bộ	1
20	Ghế nhựa giả mây (dây tròn 3 ly)	Cái	2
21	Máy nước nóng lạnh Daikio	Cái	1
22	Quạt điện Senko	Cái	1
23	Xe ô tô Toyota Fortune	cái	1
24	bàn gỗ chữ nhật	cái	1
25	Ly tửu nhỏ	Cái	5

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

26	Bàn họp oval	cái	1
27	Bảng tính đa năng	Cái	1
28	Ghế quỳ màu xanh	cái	7
29	ly thủy tinh lùn không chân uống nước buffet	Cái	6
30	Máy photocopy Ricoh	cái	1
31	Bộ camera (3 camera + phụ kiện kèm theo)	Bộ	1
32	Bàn làm việc Hòa Phát BVP-3S-05B	Cái	1
33	Ghế làm việc Hòa Phát GDG-01-02	Cái	1
34	Máy tính để bàn Dell OptiPlex 3080 (bộ gồm CPU + ổ súng, chuột, bàn phím, màn hình)	Bộ	1
35	Bàn làm việc	Cái	1
36	Bộ máy vi tính bàn Dell Vostro 3471(màn hình+cpu)	Bộ	1
37	Ghế làm việc	Cái	1
38	Ghế quỳ màu đen	cái	1
39	Ghế quỳ màu xanh	cái	1
40	Quạt lửng Senko LL1638/LL1338	cái	1
41	Ghế làm việc	Cái	1
42	Bàn làm việc chữ L	Cái	1
43	Màn hình led Dell 19,5"	Cái	1
44	Máy in Cannon 226DW	Cái	1
45	Máy in EPSON L1110	Cái	1
46	Máy tính để bàn Dell Vostro 3681	Bộ	1
47	Phần mềm kế toán Omega	cái	1
48	Tủ sắt tài liệu	Cái	1
49	Tủ nhôm đựng tài liệu D70xR50(kèm 2 khóa/tủ)	cái	30
50	Bàn làm việc chữ U Hòa Phát	Cái	1
51	Bình trà 1.1 L + nắp	cái	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”

52	Đệm mút cao cấp dày 15cm	cái	1
53	Ga bo	cái	1
54	Ghế làm việc Hòa Phát	Cái	1
55	Ghế nhựa giả mây (dây tròn 3 ly)	Cái	1
56	Laptop Dell	Cái	1
57	Máy in đa năng Canon MF241D (PGĐ)	Cái	1
58	Ổ cắm điện 6 lỗ dài 6m	cái	1
59	Ruột gói 50x70	cái	1
60	Tách trà 0.16 L	cái	6
61	Thùng đựng rác inox 12 LÍT	Cái	1
62	Tủ sắt cửa nhôm tài liệu Hòa Phát	Cái	1
63	Vỏ gói 50x70	cái	1
64	Bàn gỗ tròn (tràm bông vàng)	Cái	1
65	Bàn làm việc chữ L Hòa Phát	Cái	1
66	Đệm 1mx1,9m	cái	1
67	Ghế lưng gỗ chân inox	cái	1
68	Ghế nhựa giả mây (dây tròn 3 ly)	Cái	2
69	Ghế xoay Hòa Phát	Cái	1
70	Hộc tài liệu làm việc Hòa Phát	Cái	1
71	Máy in Canon MF241d	Cái	1
72	Thùng đựng rác inox 12 LÍT	Cái	1
73	Tủ sắt cửa kính tài liệu Hòa Phát	Cái	1
74	Máy vi tính xách tay Laptop Dell	Cái	1
75	Máy tính để bàn Dell OptiPlex 3080 (bộ gồm CPU + ổ sửng, chuột, bàn phím, màn hình)	Bộ	1
76	Màn hình led Dell 19,5"	Cái	1
77	Máy tính để bàn Dell Vostro 3681	Bộ	1

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

78	Máy vi tính xách tay Laptop Dell	Cái	1
79	Máy tính để bàn DellVostro 3681 (gồm CPU + Chuột + Bàn phím)	Bộ	1
80	Laptop Dell	Cái	1
81	Bàn Buffer 0.5mx1.4m	cái	1
82	Bàn Làm việc 1,2m Hòa Phát 1200x600x750cm Kỹ Thuật	Cái	1
83	Bàn làm việc Hòa Phát BVP-3S-05B	Cái	2
84	Bảng đa năng 1.2m * 1.6m	Cái	1
85	Bình trà 1.1 L + nắp	cái	1
86	Bộ ly cà phê nâu thấp ruột trắng(01 Cốc và 01 đĩa kê)	bộ	1
87	Cây nước nóng lạnh Karofi HC16	Cái	1
88	Ghế làm việc Hòa Phát GDG-01-02	Cái	2
89	Ghế nhựa giả mây (dây tròn 3 ly)	Cái	3
90	Ghế quỳ màu xanh	cái	3
91	Ghế quỳ màu đen	cái	1
92	Ghế xoay SG 130 Hòa Phát Kỹ Thuật	Cái	1
93	Bàn làm việc Hòa phát	Cái	3
94	Ghế làm việc Hòa phát	Cái	1
95	Hũ thủ tinh đựng trà Luminarc rondo mẫu 0.75l	Cái	1
96	Kệ sắt GS5K2	Cái	1
97	Khay nhựa để cốc	Cái	1
98	Màn hình led Dell 19,5"	Cái	1
99	Máy đo khoảng cách laze (GLM 40)	Cái	1
100	Máy in đa chức năng A3 Canon 2006N (+ Bộ nạp + Bộ đảo mặt + Chân máy + Hộp mực)	Bộ	1
101	Máy tính để bàn Dell Vostro 3681	Bộ	1
102	Mũ bảo hộ nhựa	Cái	10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”

103	Ổ cắm điện 6 lỗ dài 6m	cái	1
104	Ổ cứng ngoài 1TB	Cái	1
105	Phin inox size 7	Chiếc	3
106	Tách trà 0.16 L	cái	4
107	Thước Cuộn tự động Tolsen 36015 8m	Cái	1
108	Thùng đựng rác inox 12 LÍT	Cái	1
109	Tủ sắt cửa kính tài liệu Hòa Phát	Cái	1

1.5.4. Tổ chức quản lý và vận hành

- Phương thức thực hiện:

+ Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành là cơ quan trực tiếp đầu tư, quản lý và kinh doanh các hạng mục công trình trong khu Villa và Khu dịch vụ công cộng theo đúng quy cách quy định hiện hành của Nhà nước để đảm bảo khai thác với hiệu quả cao nhất cũng như đảm bảo khả năng thu hút đối với các đối tượng khách du lịch.

+ Việc xây dựng giá thành sản phẩm được Chủ đầu tư thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, chính sách của Nhà nước.

+ Thực hiện việc duy tu bảo dưỡng các hạng mục công trình tuân thủ các quy định của Nhà Nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành là chủ đầu tư xây dựng mới và kinh doanh các hạng mục công trình. Hình thức đầu tư này vừa đảm bảo quy hoạch và tăng cường quản lý theo quy hoạch được duyệt. Đảm bảo sự đồng bộ về cảnh quan thiên nhiên và kiến trúc công trình.

- Bộ máy tổ chức vận hành dự án như sau:

* Ban điều hành:

+ Văn phòng: 4 người

+ Bộ phận Kế toán: 3 người.

+ Bộ phận điều hành: 4 người.

* Đơn vị vận hành:

+ Văn phòng: 3 người.

+ Bộ phận kỹ thuật: 5 người.

+ Bộ phận an ninh: 17 người.

+ Bộ phận vệ sinh: 13 người.

+ Bộ phận cây xanh: 5 người.

+ Bộ phận tiền sảnh: 10 người.

- + Bộ phận ẩm thực: 12 người.
- + Bộ phận bếp: 8 người.
- + Bộ phận buồng phòng: 18 người.
- + Bộ phận kinh doanh: 2 người.

1.5.5. Tình hình tuân thủ pháp luật về môi trường từ trước đến nay

Dự án đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 26/3/2008. Trong quá trình hoạt động đến nay Chủ dự án luôn tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật liên quan đến môi trường nói riêng. Đồng thời, Chủ dự án cũng thực hiện quan trắc định kỳ hàng năm.

Ngoài ra, đơn vị đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng đủ điều kiện để thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại (Hợp đồng và giấy phép của các đơn vị thu gom được đính kèm sau phụ lục của báo cáo). Bên cạnh đó trong quá trình thực hiện dự án đã tạo công ăn việc làm cho người dân trong vùng, tăng thu nguồn ngân sách cho địa phương và không có phản ánh kiến nghị của người dân về vấn đề môi trường đối với dự án trong quá trình hoạt động.

Năm 2021, Chủ dự án đầu tư thực hiện lập báo cáo đề nghị cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước đối với Dự án Khu dịch vụ và nhà ở Xuân Thành tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Theo hồ sơ đề án xả thải vào nguồn nước của Dự án Khu dịch vụ và nhà ở Xuân Thành do Công ty trình thiết kế gồm 05 trạm xử lý nước thải:

+ Trạm XLNT số 1: Nước thải sau khi xử lý đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và xả thải ra nguồn tiếp nhận lạch nước ngọt Xuân Thành tại thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân;

+ Trạm xử lý nước thải số 3, 4: Nước thải sau khi xử lý đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và trạm XLNT số 5: nước thải sau khi xử lý đạt cột B - QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải y tế. Các trạm này xả thải ra nguồn tiếp nhận là vùng biển ven bờ tại thôn Bắc Tây Nam, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân;

+ Trạm xử lý nước thải số 6: Nước thải sau khi xử lý đạt cột B - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và xả thải ra lạch Trộ Su tại thôn Thành vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Dự án phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch vùng ven biển và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Phù hợp với Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng chính phủ, trong đó tại điểm b mục 1 phần Phát triển ngành dịch vụ thương mại, du lịch nêu rõ: Xây dựng đồng bộ mạng lưới bán buôn, bán lẻ, dự án hạ tầng thương mại; Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch, trong đó tập trung phát triển các khu du lịch ven biển, đầu tư khai thác hiệu quả các sân golf, dịch vụ thể thao, giải trí để tạo các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, có thương hiệu, năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế; xây dựng các tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế gắn với các khu, điểm du lịch trên địa bàn.

- *Quy hoạch BVMT Quốc gia:*

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì khu vực triển khai dự án không nằm trong danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải tại phụ lục kèm theo. Dự án có các đặc điểm, phương án BVMT phù hợp với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường được nêu trong Quy hoạch BVMT Quốc gia, bao gồm nhóm giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội, nhóm giải pháp quản lý chất thải. Dự án không mâu thuẫn với quan điểm, định hướng, mục tiêu của Quy hoạch BVMT Quốc gia.

- *Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:*

Phù hợp theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

Theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022, dự án có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu đến môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- *Quy hoạch phát triển du lịch vùng:* Dự án được hình thành phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm

2030, đó là:

+ Đến năm 2020 cơ bản hình thành được sự liên kết phát triển du lịch vùng 1 cách hoàn thiện, đồng bộ; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng Bắc Trung Bộ.

+ Phần đầu đến năm 2030, vùng Bắc trung Bộ trở thành trọng điểm phát triển du lịch cả nước, góp phần quan trọng vào nỗ lực giảm nghèo và là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:*

Dự án phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Hà Tĩnh đó là “Phát triển du lịch Hà Tĩnh phù hợp với Chiến lược kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và du lịch cả nước, định hướng quy hoạch phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các ngành kinh tế khác”.

Dự án phù hợp với Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 26/2/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghi Xuân.

- *Phân vùng môi trường:*

Thời điểm hiện tại tại tỉnh Hà Tĩnh chưa có phân vùng môi trường cụ thể theo ranh giới các địa bàn. Theo tiêu chí phân vùng môi trường được quy định tại Điều 22, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thì vị trí dự án không có tiêu chí nào của vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải. Ngoài ra, theo dự thảo Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 thì khu vực triển khai dự án cũng không nằm trong Phụ lục danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải của tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thể: Vị trí dự án không có mối liên hệ với hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, di tích lịch sử văn hóa, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực nội thành, nội thị hiện có hoặc xác định quy hoạch của các đô thị. Dự án đầu tư không xả nước thải vào nguồn nước mặt cấp nước sinh hoạt (hiện tại và quy hoạch).

Tóm lại, dự án đầu tư có vị trí, chức năng, nhiệm vụ hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Loại hình thực hiện dự án là xử lý chất thải thông thường, bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các hoạt động thu gom chất thải, mùi từ quá trình tập kết, xử lý chất thải và từ các phương tiện vận chuyển có mức độ và phạm vi ảnh hưởng thấp. Nguồn nước thải của dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt của dân cư, khách du lịch tại các khu nhà biệt thự liền kề; Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động dịch vụ như dịch vụ công cộng và thương mại, dịch vụ hồ bơi, câu lạc bộ tennis, trường học; Nước thải sinh hoạt

của cán bộ công nhân viên làm việc tại các khu vực của dự án; Thành phần của nước thải sinh hoạt thường chứa các chất như xà phòng, chất tẩy rửa, dầu mỡ, các chất hữu cơ (thức ăn thừa)... có lưu lượng phát sinh 19m³/ngày đêm đối với trạm XLNT số 1; lưu lượng 342m³/ngày đêm đối với trạm XLNT số 3, 4, 5; lưu lượng 70m³/ngày đêm đối với trạm XLNT số 6 cần phải được xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận nước thải hiện tại của Khu dịch vụ và nhà ở Xuân Thành là lạch Trộ Su tại thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân (tiếp nhận nước thải trạm XLNT số 1, 6) và vùng biển ven bờ xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (tiếp nhận nước thải trạm số 3, 4, 5). Nước tại đây phục vụ cho mục đích tưới tiêu nông nghiệp, tiêu thoát nước, không có chức năng cấp nước sinh hoạt. Do đó, nước thải của dự án phải được xử lý đạt Cột B QCVN 14:2008/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận và Cột B, hệ số k=1,2 QCVN 28:2010/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Để đánh giá sức chịu tải của lạch Trộ Su, chúng tôi sử dụng nguồn dữ liệu chất lượng nước mặt và nước thải sau xử lý của dự án tại thời điểm gần nhất (tháng 8/2024).

Để xem xét khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải của dự án, nội dung đánh giá khả năng tiếp nhận của nguồn nước lạch được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, thì sức chịu tải của lạch Trộ Su, cụ thể như sau:

Các thông số ô nhiễm chính dùng để đánh giá:

Các thông số chính sử dụng để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của lạch bao gồm: BOD₅, COD, TSS, Amoni, Dầu mỡ ĐTV và Coliform, tổng Nitơ, tổng Photpho

Phương pháp đánh giá :

Áp dụng phương pháp đánh giá trực tiếp, công thức đánh giá như sau :

$$L_m = (L_{td} - L_{mn}) \times F_s$$

Trong đó:

- L_m: khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm (kg/ngày);
- L_{td}: tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với lạch (kg/ngày);
- L_{mn}: tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của lạch (kg/ngày);
- L_t: tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (kg/ngày);
- F_s : Hệ số an toàn, F_s = 0,7 - 0,9;
- NP_{td}: tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong lạch (kg/ngày).

*** Tính tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm trong môi trường nước mặt**

(L_{td}):

Áp dụng công thức :

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó: Trong đó:

C_{qc} (mg/l): Là giá trị giới hạn của nồng độ chất ô nhiễm đang xét được quy định tại mức B của QCVN 08:2023/BTNMT.

Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn lạch đánh giá và được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều này, đơn vị tính là m³/s.

+ $Q_s = 2,0$ m³/s (Lạch Trộ Su, căn cứ Quyết định số 1275/GPMT ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp GPMT cho cơ sở Sân golf 18 lỗ Xuân Thành).

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Từ các giá trị C_{qc} , Q_s ở trên ta có thể tính toán được tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 2. 1. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận (L_{td})

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Mức B của QCVN 08:2023/BTNMT (mg/l)	L _{td} (kg/ngày)
1	BOD5	mg/l	6	1.036,8
2	COD	mg/l	15	2.592
3	TSS	mg/l	100	17.280
4	Amoni	mg/l	0,3	51,84
5	Dầu mỡ	mg/l	5	864
6	Tổng Coliform	mg/l	5.000	864.000
7	Tổng Nito	mg/l	1,5	259,2
8	Tổng Photpho	mg/l	0,3	51,84

*** Tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước:**

$$L_{mn} = C_{mn} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

C_{mn} : Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l. Chất lượng của nguồn nước tiếp nhận lạch Trộ Su;

Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn lạch đánh giá, đơn vị tính là m³/s.

$$+ Q_s = 2,0 \text{ m}^3/\text{s} .$$

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Từ các giá trị C_{mn} , Q_s đã xác định ở trên, ta có thể tính toán được tải lượng của các chất lượng nước hiện có trong nguồn nước như sau:

Bảng 2. 2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (L_{mn})

TT	Thông số phân tích	Kết quả (mg/l)	L _{nn} (kg/ngày)
1	BOD ₅	3,6	622,08
2	COD	12	2.073,6
3	TSS	9,3	1.607,04
4	Amoni	0,24	41,472
5	Tổng Dầu mỡ	0,3	51,84
6	Tổng Coliform	2.000	345.600
7	Tổng Nitơ	0,98	169,344
8	Tổng Photpho	0,204	35,2512

*** Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải (L_{tn}):**

→ Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của Lạch Trộ Su đối với từng thông số ô nhiễm L_{tn} được tính toán theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$$

Trong đó F_s: Hệ số an toàn, chọn F_s = 0,8; NP_{td} = 0, Kết quả tính toán khả năng tiếp nhận của lạch Trộ Su thể hiện tại bảng dưới đây:

Bảng 2. 3. Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước

TT	Thông số phân tích	L _{tn}
1	BOD ₅	331,78
2	COD	414,72
3	TSS	12.538,37
4	Amoni	8,2944
5	Dầu mỡ	649,73
6	Coliform	414,72
7	Tổng Nitơ	71,89
8	Tổng Photpho	13,27

Kết luận: Từ kết quả tính toán thông số L_{tn} cho thấy lạch Trộ Su có khả năng tiếp nhận đối với các thông số đặc trưng như BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni, Dầu mỡ, Coliform, tổng Nitơ, tổng Photpho, Các chỉ số L_{tn}>0, nguồn nước còn có khả năng tiếp nhận nước thải của dự án.

Đối với nguồn tiếp nhận là vùng biển ven bờ, không đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải đối với nguồn tiếp nhận là vùng biển ven bờ.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, phù hợp với hệ thống thoát nước mưa trong điều kiện địa hình.

- Các công trình thoát nước đã xây dựng được tổng hợp như sau:

Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng thoát nước mưa

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống tròn BTCT D300-D1000	m	9.135
2	Mương xây gạch B=600mm, đáy đan BT	m	275
3	Đế cống BTC-D1000	m	520
4	Đế cống BTC-D800	m	830
5	Đế cống BTC-D600	m	465
6	Hố ga thu nước mưa	cái	72

Các hố ga thăm trên tuyến thoát nước mưa đã được xây dựng bố trí khoảng 30m/01 hố. Hố ga làm bằng bê tông cốt thép mác 250, dày 10cm, tấm đan bằng BTCT mác 250, dày 10cm.

Nước mưa chảy tràn hiện tại của dự án được thu gom như sau:

- Nước từ các mái nhà được thu gom bằng máng dẫn về ống nhựa PVC đổ xuống rãnh thoát nước bố trí xung quanh các khu nhà, dọc đường và các khu vực công cộng khác.

- Nước mưa chảy tràn ở mặt bằng sân bãi ở khu vực cũng được thu gom về các mương thoát xung quanh khuôn viên, trên mương thoát bố trí các hố ga để lắng cặn với khoảng cách trung bình 40 m/hố tùy vào địa hình (xử lý nước mưa bằng phương pháp cơ học).

- Nước mưa được thoát về 2 phía (phía Bắc và phía Tây Nam) của khu đất, mương thoát ngoài khu đất nằm cạnh đường quy hoạch quanh khu đất.

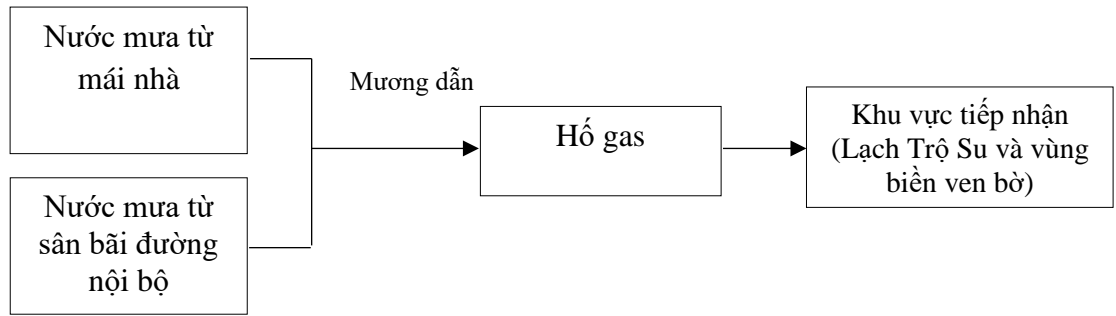
- Độ dốc cống, rãnh thoát nước mưa đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy. Khi độ dốc đường thay đổi lớn thì độ dốc cống, rãnh lấy theo độ dốc địa hình.

- Hệ thống các tuyến cống tròn trong khu vực dự án D600; D800; D1000 và mương xây thu nước.

- Dọc theo các tuyến cống đã xây dựng các giếng thu, giếng thăm để thu nước

mặt nền vào hệ thống công. Khoảng cách các giếng thu trung bình khoảng 40m.

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa



Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a) Công trình thu gom nước thải:

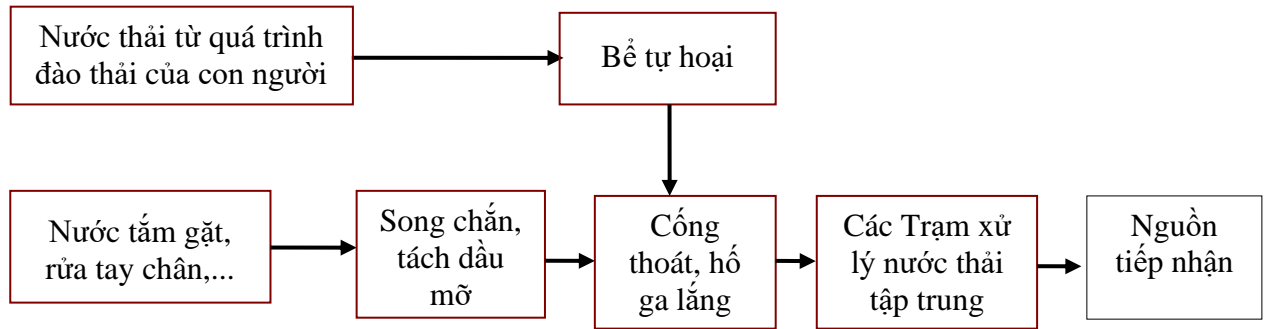
Nước thải phát sinh được thu gom về các trạm xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp tự chảy, cụ thể như sau:

- Nguồn số 1: Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu) được thoát thẳng xuống bể tự hoại cải tiến bằng ống nhựa uPVC D110 và được thu gom cùng với nước thải từ quá trình rửa tay chân, tắm giặt bằng đường ống PVC D300 dẫn vào các trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động nhà bếp, nhà ăn, rửa tay... được dẫn bằng ống PVC D300 vào bể tách dầu mỡ để tách dầu mỡ có lẫn trong nước thải. Sau đó, nước thải được thu gom vào đường ống PVC D300, dẫn về các trạm xử lý nước thải tập trung.

b) Công trình thoát nước thải:

Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước thải của Dự án như sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

- Trạm XLNT số 1: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào đường ống uPVC D110, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung D600 tại khu vực nằm dọc tuyến đường quy hoạch và thoát ra lạch Trộ Su bằng cống thoát bê tông cốt thép D1000. Chiều dài mương thoát nước chung dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là 395m.

- Trạm XLNT số 3, 4, 5: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn tương ứng được dẫn vào đường ống uPVC D110, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm dọc tuyến đường quy hoạch trong Khu du lịch Xuân Thành và thoát ra biển bằng cống thoát bê tông cốt thép D1000. Tổng chiều dài mương thoát chung dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là 1.065m.

- Trạm XLNT số 6: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào đường ống uPVC D110 dài 420m và thoát ra lạch Trộ Su.





Hình 3. 4. Các trạm xử lý nước thải tập trung

3.1.3. Xử lý nước thải

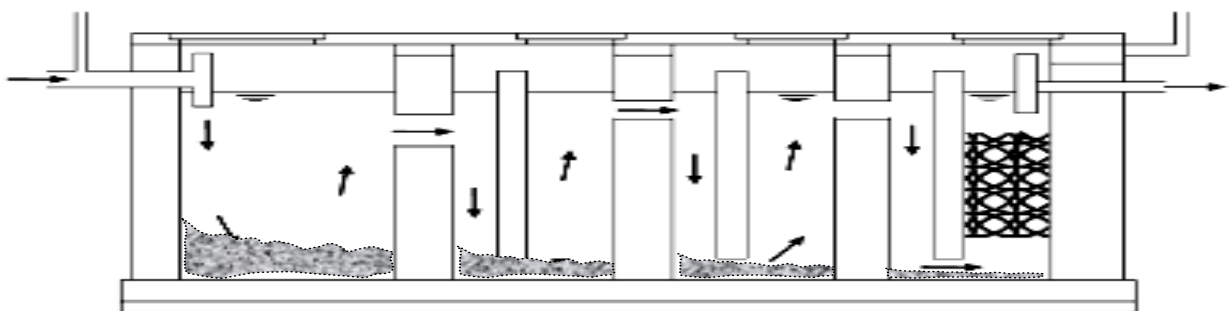
3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ)

a) Xử lý sơ bộ nước thải:

(1) Nước thải sinh hoạt:

- Để giảm thiểu bớt chất ô nhiễm trong nước thải nhằm tránh gây tắc cục bộ hệ thống đường ống dẫn và giảm chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, tại các khu nhà sẽ lắp đặt các bể tự hoại cải tiến để xử lý sơ bộ nguồn nước thải sinh hoạt từ quá trình đào thải của con người. Căn ở bể tự hoại định kỳ thuê đơn vị có chức năng sử dụng các phương tiện chuyên dụng hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại tiếp tục cho chảy chung vào hệ thống thoát nước từ quá trình rửa tay chân, vệ sinh cá nhân vào hệ thống thoát nước thải và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Bể tự hoại cải tiến với các vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí gọi tắt là bể BASTAF được thiết kế với thời gian lưu nước ít nhất 2 ngày, thay cho bể tự hoại truyền thống có kích thước tương tự và có hiệu suất xử lý đạt tới > 80% theo SS và COD đối với nước thải sinh hoạt (nước đen).



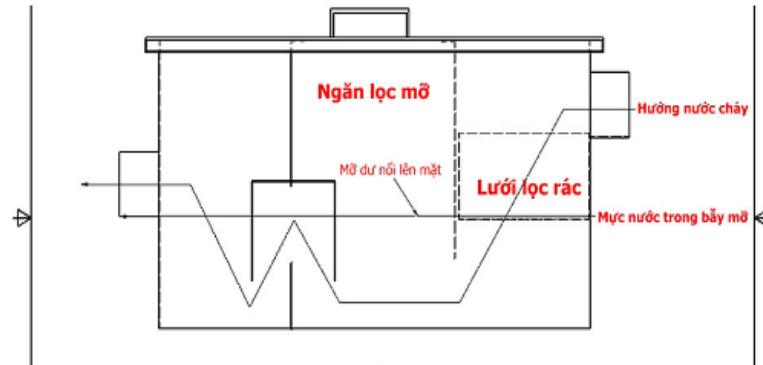
Hình 3. 5. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt

- *Cấu tạo:* Bể tự hoại cải tiến Bastaf có 1 ngăn chứa và 4 ngăn có dòng chảy hướng từ dưới lên trên và ngăn lọc kỵ khí.

- Nguyên tắc làm việc của bể *Bastaf*: nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải.

(2) Nước thải từ hoạt động nhà bếp, nhà ăn, rửa tay:

- Dòng thứ hai: Nước thải từ khu vực nhà bếp, nhà ăn, rửa tay được dẫn vào bể tách mỡ để tách dầu mỡ, sau đó đưa vào hệ thống các trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.



Hình 3. 6. Nguyên lý cấu tạo của bể lắng kết hợp tách dầu mỡ, bọt nổi

3.1.3.2. Xử lý nước thải tập trung

* Thông số thiết kế:

- Công suất thiết kế:

+ Trạm xử lý nước thải số 1 (công suất 19m³/ngày đêm): Xử lý nước thải biệt thự liền kề K1/L1.01 đến K1L1.50.

+ Trạm xử lý nước thải số 3 (công suất 147 m³/ngày đêm): Xử lý nước thải khu biệt thự liền kề K2L601 - K2L612, K2L701- K2L711, K2L801 - K2L812, K2L901 - K2L911, K2L1001- K2L1012, K2L1101 - K2L1112, K2L1201 - K2L1212, K2L1301 - K2L1212, K2L1301 - K2L1312, K3L1101 - K3L1119, K3L1201 - K3L1219, K3L1301 - K3L1316, K3L1001 - K3L1027.

+ Trạm xử lý nước thải số 4 (công suất 42 m³/ngày đêm): Xử lý nước thải khu biệt thự liền kề K1L2.01 - K1L2.23, K2L101 - K2L114, K2L201 - K2L212, K2L301 - K2L312, K2L401 - K2L412, K2L501 - K2L512.

+ Trạm xử lý nước thải số 5 (công suất 153 m³/ngày đêm): Xử lý nước thải khu biệt thự liền kề K3L301 - K3L319, K3L401 - K3L418, K3L101 - K3L119, K3L201 - K3L218, K3L901 - K3L915, K3L801 - K3L816, K3L701 - K3L730, K3L501 - K3L514, K1L224 - K1L266. Xử lý nước thải trường học, trạm y tế, nhà giữ trẻ, dịch vụ công cộng và thương mại.

+ Trạm xử lý nước thải số 6 (Công suất 70 m³): Xử lý nước thải biệt thự liền kề K1L311 - K1L386.

- Tiêu chuẩn nước thải đầu ra sau khi xử lý:

+ Các trạm XLNT số 1, 3, 4 , 6 xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà

ở biệt thự liền kề. Nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, áp dụng cột B, hệ số K = 1 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Trạm XLNT số 5 xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ trạm y tế. Nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, áp dụng cột B, hệ số K = 1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý nước thải là công nghệ Johkasou Nhật Bản với thiết bị hợp khối FPR, bao gồm các bước xử lý thiếu khí, hiếu khí, lắng và khử trùng nước thải.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Trạm XLNT số 1: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào đường ống uPVC D110, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung D600 tại khu vực nằm dọc tuyến đường quy hoạch và thoát ra lạch Trộ Su bằng cống thoát bê tông cốt thép D1000. Chiều dài mương thoát nước chung dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là 395m.

+ Trạm XLNT số 3, 4, 5: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn tương ứng được dẫn vào đường ống uPVC D110, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm dọc tuyến đường quy hoạch trong Khu du lịch Xuân Thành và thoát ra biển bằng cống thoát bê tông cốt thép D1000. Tổng chiều dài mương thoát chung dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là 1.065m.

+ Trạm XLNT số 6: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào đường ống uPVC D110 dài 420m và thoát ra lạch Trộ Su.

- Đơn vị thiết kế:

+ Trạm xử lý số 1, số 6: Công ty TNHH môi trường ASIA.

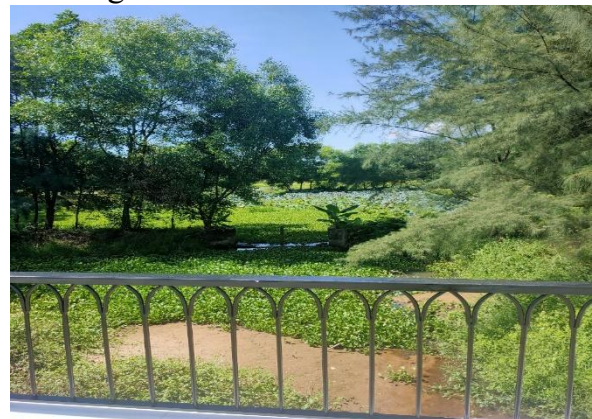
+ Trạm số 3, 4, 5: Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ môi trường Nước Việt.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T&T Hà Nội và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Bình An Phú.

- Đơn vị thi công:

+ Trạm xử lý số 1, số 6: Công ty TNHH môi trường ASIA.

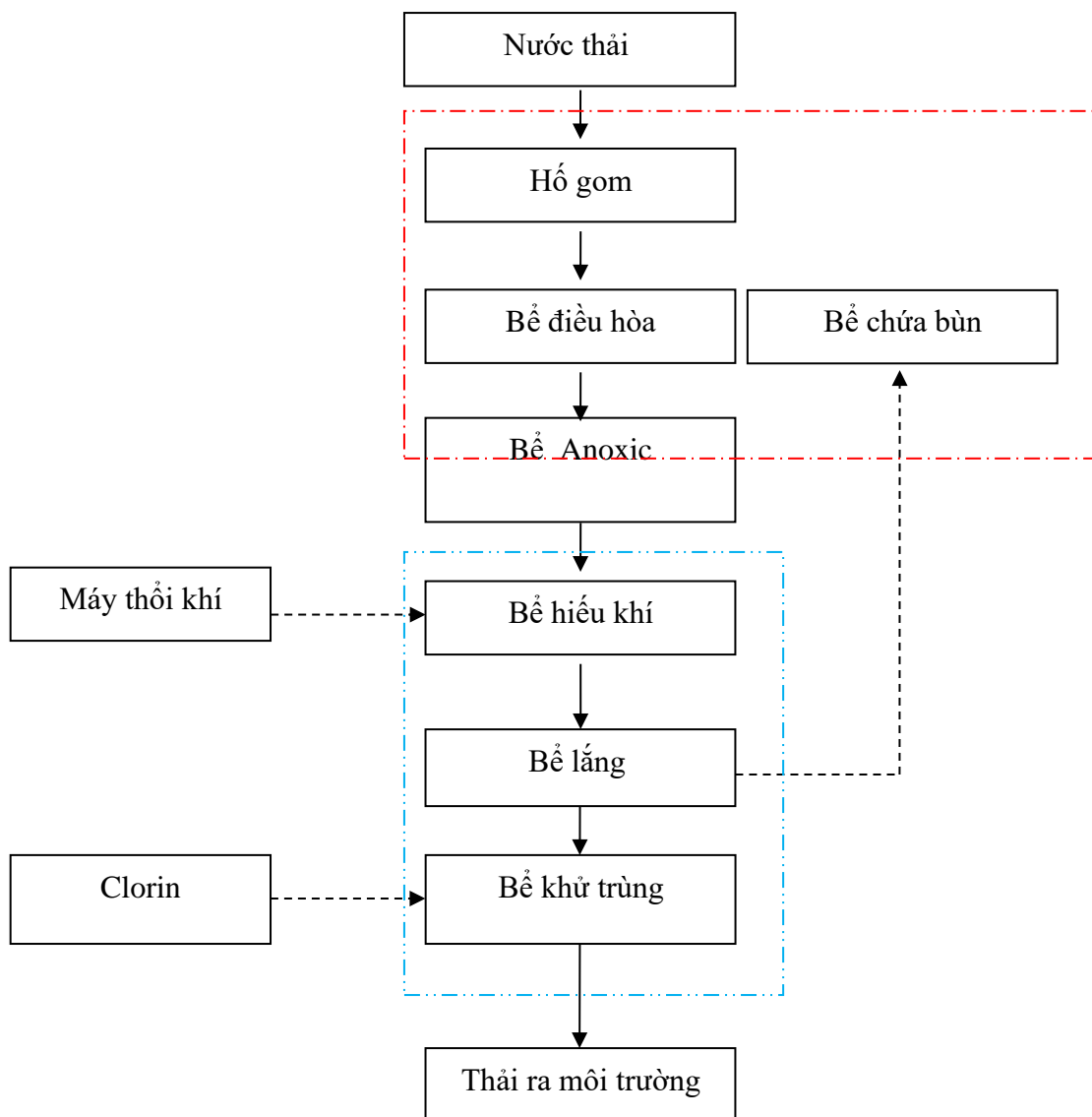
+ Trạm số 3, 4, 5: Công ty TNHH môi trường Hà Tĩnh.





Hình 3. 7. Vị trí xả thải

* Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 8. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

* Thuyết minh quy trình công nghệ:

- *Hố gom:*

+ Số lượng: 01 bể/01 trạm xử lý.

+ Nước thải từ bể tách dầu mỡ theo hệ thống thu gom nước thải dẫn vào bể gom nước thải.

Nước thải sinh hoạt được thu gom và dẫn về bể thu nước thải, trước khi vào bể gom nước thải được tách mỡ, lược rác qua song chắn rác để loại bỏ cặn rắn, rác... có kích thước lớn hơn 8mm.

Bể thu gom có chức năng tiếp nhận tất cả dòng nước thải của dự án và thông qua bơm vận chuyển nước vào bể điều hòa tiếp tục công đoạn xử lý phía sau.

- *Bể điều hòa:*

+ Số lượng: 01 bể/01 trạm xử lý.

+ Là đơn vị dùng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự biến động về lưu lượng và tải lượng dòng vào, đảm bảo hiệu quả của các công trình xử lý sau, đảm bảo đầu ra sau xử lý, giảm chi phí và kích thước của các thiết bị sau này.

+ Nguyên lý hoạt động của bể điều hòa xử lý nước thải:

Trước hết chúng ta cần thực hiện xáo trộn và thổi khí cho bể điều hòa trong xử lý nước thải để tránh tình trạng lắng cặn.

Sau đó, chúng ta sẽ tiến hành thổi khí để tránh nước thải bị lên men, gây mùi khó chịu. Tốc độ thổi khí sẽ là 10-15 lít khí/phút.m³.

Tại bể điều hòa được bố trí đĩa khí để phân phối khí đều cho toàn bể.

- *Bể Anoxic:*

+ Số lượng: 01 ngăn bể/01 trạm xử lý.

Trong xử lý nước thải, bể Anoxic là bể quan trọng trong quá trình xử lý amoni và nitơ trong nước thải bằng phương pháp sinh học. Công nghệ khử nitơ trong nước thải bằng phương pháp sinh học phổ biến nhất hiện nay là: Nitrat hóa và khử Nitrat.

Tại bể thiếu khí có bố trí máy khuấy trộn chìm hoạt động theo time thời gian theo chế độ chạy 1 tiếng nghỉ 1 tiếng.

- *Bể xử lý hiếu khí:*

+ Số lượng: 01 ngăn bể/01 trạm xử lý.

+ Tại bể Aerotank, các chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý bởi các tác nhân là bùn hoạt tính lơ lửng kết hợp chủng vi sinh phân lập Biobug AS, Biobug NH₃ (gồm 2 chủng VSV Nitrosomonas và Nitrobacter) thực hiện cơ chế oxy hóa hàm lượng tổng nitơ thành gốc đơn giản Nitric và nitrat)) và dưỡng chất Biobug MN và được cấp khí từ máy thổi khí thông qua hệ thống phân phối khí dạng bọt mịn được lắp đặt dưới đáy bể, cung cấp Oxy cần thiết cho quá trình cũng như khuấy trộn tăng khả năng tiếp xúc giữa Vi sinh vật với chất ô nhiễm. Do có dòng tuần hoàn bùn nồng độ cao từ bể MBR, nên

hàm lượng MLSS duy trì trong bể Aerotank rất cao (3000-10000 mg/l) nên hiệu quả xử lý COD, BOD và Nitơ của bể Aerotank có thể đạt được 80 - 90% so với hàm lượng đầu vào. Sau khi đã được xử lý sinh học, dòng thải với nồng độ vi sinh cao chảy bể lắng và tiếp tục lắng cơ học kết hợp tạo bông, keo tụ.

- **Bể lắng:**

+ Số lượng: 01 ngăn bể/01 trạm xử lý.

+ Bể lắng có chức năng giữ lại các tạp chất lắng và tạp chất nổi chứa trong nước thải. Nhờ tác động của trọng lực mà bùn và nước sẽ được tách lớp, bùn nặng hơn lắng xuống dưới đáy bể, nước nhẹ hơn sẽ ở trên chảy tràn qua tấm chảy tràn sau đó được dẫn đi xử lý ở công đoạn tiếp theo

- **Bể khử trùng:**

+ Số lượng: 01 ngăn bể.

Nước từ bể lắng sẽ qua bể trung gian tại đây nước thải sẽ được châm hóa chất khử trùng và được lọc qua bình lọc áp lực trước khi ra môi trường.

- **Bể chứa bùn:**

+ Số lượng: 01 ngăn bể

Có tác dụng chứa bùn từ quá trình xử lý nước thải;

Nước thải từ bể chứa bùn sẽ chảy tràn lại bể điều hòa;

Định kỳ 1 năm phải hút bỏ bùn lắng tại bể chứa bùn.

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K=1 đối với trạm XLNT số 1, 3, 4, 6 và đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B, K=1,2 đối với trạm XLNT số 5 được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực và thoát ra nguồn tiếp nhận là vùng biển ven bờ xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Bảng 3. 2. Các hạng mục công trình của trạm xử lý nước thải

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Thể tích (m ³)	Kích thước axbxc (m)			Thời gian lưu (giờ)
					a	b	c	
Trạm xử lý 1 (CS: 19m³/ngày đêm)								
1	Bể gom và tách dầu	1	1,08	1,62	1,04	1,04	1,50	2.0
2	Bể điều hòa	1	3,15	8,83	1,42	2,22	2,80	11.1
3	Bể thiếu khí	1	1,85	5,19	1,22	1,52	2,80	6.5
4	Bể hiếu khí	1	3,37	9,45	1,52	2,22	2,80	11.9
5	Bể lắng	1	1,22	3,42	1,00	1,22	2,80	4.3
6	Bể khử trùng	1	0,80	2,24	0,80	1,00	2,80	2.8
7	Bể chứa bùn	1	1,22	3,40	0,80	1,52	2,80	-

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

Trạm xử lý 3 (CS: 42m³/ngày đêm)								
1	Bể tách dầu	3	7,50	14,72	2,50	3,00	composite	8.4
2	Bể điều hòa	1	8,75	17,17	2,50	3,50	composite	9.8
3	Bể thiếu khí	1	3,75	7,36	2,50	1,50	composite	4.2
4	Bể hiếu khí	1	7,50	14,72	2,50	3,00	composite	8.4
5	Bể lắng	1	3,75	7,36	2,50	1,50	composite	4.2
6	Bể khử trùng	1	2,50	4,91	2,50	1,00	composite	2.8
Trạm xử lý 4 (CS: 147m³/ngày đêm)								
1	Bể tách dầu	3	6,55	16,38	2,56	2,56	2,50	2.7
2	Bể gom	1	5,12	12,80	2,00	2,56	2,50	2.1
3	Bể điều hòa	1	12,80	32,00	2,56	5,00	2,50	5.2
4	Bể thiếu khí	1	12,50	24,53	2,50	5,00	composite	4.0
5	Bể hiếu khí	2	27,50	53,97	2,50	11,00	composite	8.8
6	Bể lắng	1	10,00	19,63	2,50	4,00	composite	3.2
7	Bể khử trùng	1	2,50	4,91	2,50	1,00	composite	0.8
8	Bể chứa bùn	1	2,50	4,91	2,50	1,00	composite	-
Trạm xử lý 5 (CS: 153m³/ngày đêm)								
1	Bể tách dầu	3	6,55	16,38	2,56	2,56	2,50	2.5
2	Bể gom	1	5,12	12,80	2,00	2,56	2,50	2.0
3	Bể điều hòa	1	12,80	32,00	2,56	5,00	2,50	5.0
4	Bể thiếu khí	1	12,50	24,53	2,50	5,00	composite	3.9
5	Bể hiếu khí	2	27,50	53,97	2,50	11,00	composite	8.5
6	Bể lắng	1	10,00	19,63	2,50	4,00	composite	3.0
7	Bể khử trùng	1	2,50	4,91	2,50	1,00	composite	0.8
8	Bể chứa bùn	1	2,50	4,91	2,50	1,00	composite	-
Trạm xử lý 6 (CS: 70m³/ngày đêm)								
1	Bể gom và tách dầu	1	2,31	2,31	1,24	1,24	1,50	0.8
2	Bể điều hòa	1	19,91	19,91	2,02	3,52	2,80	6.8
3	Bể thiếu khí	1	13,61	13,61	1,62	3,00	2,80	4.7
4	Bể hiếu khí	1	29,57	29,57	3,00	3,52	2,80	10.2
5	Bể lắng	1	7,14	7,14	1,50	1,70	2,80	2.4
6	Bể khử trùng	1	4,45	4,45	1,06	1,50	2,80	1.5
7	Bể chứa bùn	1	7,69	7,69	0,78	3,52	2,80	-

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công)

Bảng 3. 3. Các thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải

TT	Thiết bị chính	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
1	Bơm chìm hồ gom công suất 1HP/0.75Kw (02 cái chạy 01 cái dự phòng)	Japan	Bộ	05
2	Phao báo mực nước	Italia	Cái	05
3	Bơm bể điều hòa	Taiwan	Cái	05
4	Phao báo mực nước	Italia	Cái	05
5	Phao báo mực nước	Italia	Cái	05
6	Hệ thống khuấy trộn chìm công suất 0.75 KW.	Taiwan	Bộ	10
7	Máy thổi khí: - Cột áp: 3m. - Điện áp 3 pha 380v, 50-60HZ. - Động cơ: 4Kw. - Cấp độ bảo vệ: IP 55. - Cấp cách điện: Class F. - Phụ kiện bao gồm:	Taiwan	Bộ	10
8	Hệ thống phối khí bể hiếu khí: - Lưu lượng: -9,5m ³ /h. - Diện tích hoạt động: 0.038m ² . - Đường kính: 270mm. - Vật liệu màng: EPDM và Polymer cao cấp.		Hệ	05
9	Hệ thống châm hóa chất: - Lưu lượng 100 lít/h - Áp suất: 0.35 kg/cm ² - Công suất : 45 W - Điện 1 pha 220v. 50-60Hz	Italia/USA	Bộ	10
10	Hệ chứa pha hóa chất - PEDT: - Vật liệu nhựa PE - Thể tích : 1000L - Hãng sx: Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Hệ	10
11	Hệ thống bơm tuần hoàn bùn: - Công suất :1HP /0.4 KW - Đường kính họng xả: 50mm/ 2 inches - Điện áp: 380V - Hãng sản xuất Tsurumi.	Việt Nam	Bộ	10

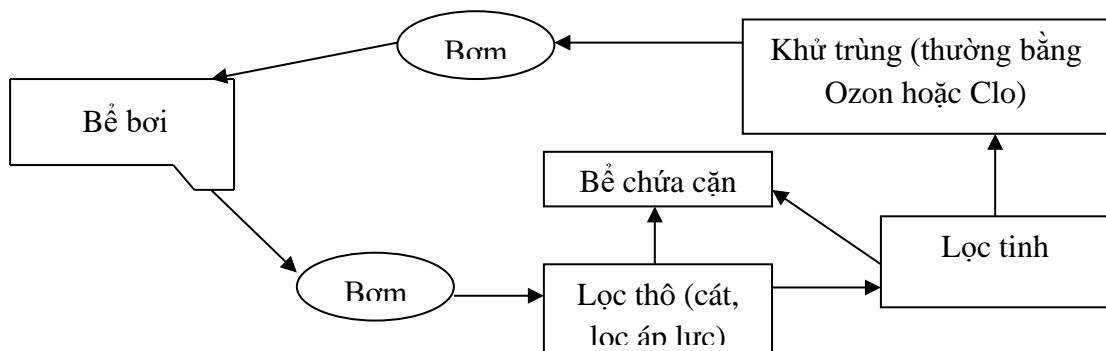
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”

TT	Thiết bị chính	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
12	Giá thể vi sinh hiếu khí MBBR: - Kích thước D x H -25 x 10 mm, - Thời gian sử dụng 5 - 10 năm - Nhựa đặc biệt, màng bám dính - Thể tích 5m ³ , 1m ³ có khối lượng 90-100 kg	Việt Nam	Hệ	05
13	Phao báo mực nước	Italia	Hệ	01
14	Vỏ tủ điện kích thước: - Thiết bị điều khiển đồng ngắt: LS Hàn Quốc, Khởi động từ, aptomat, rơ le nhiệt, Von kế, Am pe kế - Thiết bị bảo vệ mất pha, ra le thời gian - Đèn báo tín hiệu, công tắc điều khiển	Việt Nam	Cái	05
15	Điện động lực trong hệ thống	Việt Nam	Bộ	05

- Xử lý nước từ bể bơi:

Hệ thống xử lý nước hồ bơi được thiết kế là hệ thống xử lý nước tuần hoàn, công nghệ truyền thống gồm bể cân bằng, bồn lọc cát, bơm lọc và hệ thống khử trùng chlorine và cân bằng PH. Nguyên lý chung của hệ thống này là nước bẩn trong bể sẽ được hút qua các cửa hút mặt bể (skimmer) và các cửa hút đáy rồi sau đó được chuyển qua hệ thống dẫn nước tới phòng kỹ thuật. Nước được lọc qua hệ thống bình lọc cát, sỏi hay các vật liệu lọc khác nhờ các bơm lọc nước. Tiếp đó nước được dẫn qua hệ thống khử trùng Clo và cân bằng PH, và sau đó trở về bể qua hệ thống ống và cửa trả gắn tại thành bể.

Bể cân bằng có tác dụng thu lượng nước tràn từ mương tràn của hồ bơi & bổ sung lượng nước thất thoát cho hồ bơi trong quá trình vận hành (do bay hơi, người tắm mang đi,...). Bồn lọc cát giữ lại các chất cặn bẩn, cặn lơ lửng, vi sinh vật lớn trong quá trình sử dụng hồ bơi. Định kỳ bồn lọc cát sẽ được vệ sinh, súc rửa và thay thế cát để đảm bảo tác dụng lọc. Hệ thống khử trùng Clo & cân bằng PH được thiết kế để xử lý các vi sinh vật còn sót lại sau quá trình lọc cát, khử rong rêu tảo, thực vật có trong nước & đảm bảo nồng độ pH của nước hồ bơi ở mức cho phép theo yêu cầu.



Hình 3. 9. Sơ đồ công nghệ xử lý nước bể bơi

- Ngoài ra, để nước hồ bơi luôn trong sạch thì hàng ngày phải hút cặn đáy hồ, cọ rửa thành hồ để ngăn ngừa sự phát triển của rong rêu, nấm mốc, tiến hành vớt rác bề mặt hồ.

+ Kiểm tra nước hồ bơi bằng thiết bị thử nước 4 trong 1 để kiểm tra liều lượng Clo và độ pH, Clo không nên thấp hơn 1.0ppm nếu không sẽ không đạt hiệu quả trong việc diệt tảo và vi khuẩn có hại. Độ pH của hồ bơi cần giữ ổn định ở khoảng 7,2-7,6.

+ Sử dụng hóa chất xử lý hồ bơi:

Sử dụng hóa chất hồ bơi điều cần phải quan tâm là sau khi xử lý hóa chất phải có 1 khoảng thời gian 3 - 6 giờ mới được sử dụng. Xử lý các loại hóa chất khác nhau phải cách nhau một khoảng thời gian 2 - 4 giờ, vì cần phải có thời gian khuếch tán trong nước và tránh tác dụng phụ lẫn nhau gây nên sự giảm hiệu quả của loại hóa chất đó.

Đảm bảo an toàn lao động cho người xử lý hóa chất (đeo bao tay, khẩu trang, mắt kính).

Một số hoá chất sử dụng tại bể bơi là: Chlorine 90%, pool clear, PAC, Soda,..

Bảng 3. 4. Các thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước bể bơi

TT	Thiết bị chính	Số lượng	Vị trí
1	Máy bơm lọc 5,7Hp	07	Phòng kỹ thuật hồ bơi
2	Bình lọc SM1200	07	Phòng kỹ thuật hồ bơi
3	Bồn chứa hoá chất	1	Phòng kỹ thuật hồ bơi
4	Bơm định lượng hoá chất	1	Phòng kỹ thuật hồ bơi

3.1.3.3. Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

Trước lúc vào vận hành hệ thống, người vận hành phải thực hiện các quy định sau:

- Phải hiểu rõ các nguyên lý hoạt động của từng thiết bị trong hệ thống và của toàn bộ hệ thống.

- Kiểm tra toàn bộ thiết bị máy móc và vị trí các van đúng trạng thái hoạt động.

- Kiểm tra hệ thống điện.

- Người vận hành không trong tình trạng say bia, rượu, không dùng chất kích thích.

(1): Quy trình sửa chữa bơm chìm:

B1: Ngắt toàn bộ hệ thống tủ điều khiển.

B2: Tháo rắc co bơm chìm.

B3: Tháo tắc để mở xích và kéo bơm lên, kiểm tra xem có các vật thể như rác dính vào buồng bơm, nếu như không có mà bơm không chạy cần báo đơn vị thi công bố trí người kiểm tra.

(2): *Quy trình sửa chữa máy thổi khí:*

Khi máy thổi khí phát ra âm thanh lớn hoặc không hoạt động:

B1: Kiểm tra nguồn điện cấp cho máy thổi khí có đủ không.

B2: Nếu nguồn điện đủ mà máy vẫn phát âm thanh lớn tiến hành kiểm tra dầu máy xem có đủ để vận hành.

B3: Kiểm tra dây co roa có bị lệch hoặc bị đứt.

B4: Nếu tất cả các quy trình trên không có lỗi gì mà máy vẫn phát âm thanh lớn hoặc không chạy cần báo nhà thi công để bảo trì.

(3): *Quy trình sửa chữa máy khuấy:*

B1: Kiểm tra nguồn điện cấp máy khuấy có ổn định không.

B2: Tắt át máy khuấy, kiểm tra cánh khuấy có bị lệch trục hoặc hở ốc vít.

B3: Nếu không có vấn đề gì mà máy khuấy hóa chất phát âm thanh lớn cần báo đơn vị thi công để tiến hành kiểm tra.

(4): *Quy trình kiểm tra bơm định lượng hóa chất:*

B1: Kiểm tra nguồn điện cấp bơm định lượng.

B2: Tắt át bơm định lượng.

B3: Tháo rắc co xem bơm có ra nước không?

(5): *Quy trình kiểm tra tủ điện điều khiển:*

- Chuẩn bị điện:

+ Kiểm tra hệ thống cung cấp: đủ pha, đủ điện áp, điện áp cho phép dao động trong khoảng $380 \pm 10\%$.

+ Kiểm tra trạng thái hoạt động của các công tắc, cầu dao, CB, khởi động từ, tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

- Chuẩn bị các thiết bị máy móc:

+ Kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị máy móc trong hệ thống như: các bơm nước, máy thổi khí, bơm bùn.

+ Kiểm tra các van trên hệ thống đã chuẩn bị sẵn sàng chưa.

- Quy trình vận hành:

Sau khi kiểm tra tất cả các thiết bị, nguồn điện, quá trình chạy hệ thống theo quy trình sau:

+ Đóng CB tổng cho toàn hệ thống.

+ Chạy bơm, máy thổi khí, theo chế độ tự động. Không vận hành hệ thống ở chế độ Man vì lúc này các thiết bị không bị kiểm soát bởi các thiết đo và thiết bị điều khiển.

- Quy trình hoạt động bồn Clo:

+ Cách pha như sau: 100 lít nước sạch sẽ được pha là 5kg Chlorine 65%.

+ Bồn chứa hóa chất được sục khí liên tục nhằm khuấy trộn để hòa tan Chlorine 65% với nước, lượng khí cho bồn hóa chất được lấy từ 2 máy thổi khí.

- Khi vận hành hệ thống cần chú ý tất cả các thiết bị ở chế độ Auto.

3.1.3.4. Quy trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

- Nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định cần phải thường xuyên tiến hành công tác bảo dưỡng.

- Cần ngắt điện ra khỏi thiết bị trong suốt thời gian của quá trình bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.

- Đối với hệ thống đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đối với thiết bị máy móc.

+ Hàng ngày:

STT	Hạng mục	Lỗi	Biện pháp kiểm tra
1	Bồn hóa chất	Ăn mòn/ Rò rỉ	Kiểm tra giá đỡ, sơn bọc lại những chỗ bị rỉ sét. Phải tìm ra nguyên nhân và sửa chữa.
		Kiểm tra lượng hóa chất còn lại	Kiểm tra và điền thêm hóa chất vào bồn.
2	Van	Rò rỉ	Kiểm tra sự hư hỏng của các con vít và các bộ phận bọc bên ngoài, sửa chữa hoặc thay thế.
3	Đầu dò pH	Đầu dò bị bẩn	Kéo đầu dò lấy khăn sạch lau và vệ sinh lại bằng nước lọc (1 tháng/1 lần)
4	Ống	Ống bị biến dạng hay bị đổi màu	Ước định khả năng chịu áp và thời tiết... của ống và thay thế nếu yêu cầu.
		Rò rỉ	Thay những đoạn ống bị nê hoặc lủng lỗ. Thay thế hoặc hàn lại ở những mối nối Làm lại đệm
5	Kệ Giá đỡ	Lỏng ra do rung động	Xiết chặt bu long lại.
6	Thiết bị trong tủ điện	Sự rung động hoặc vật lạ vướng vào công tắc từ và rơ le hỗ trợ	Xiết chặt tiếp điểm lại, lấy vật lạ ra và thay thế những bộ phận nếu cần.
		Nổ cầu chì.	Kiểm tra công suất và tìm ra nguyên nhân.
		Nhiệt độ tăng bất thường trong tủ thiết bị.	Không vấn đề gì nếu nhiệt độ dưới 40°C. Nếu nhiệt độ tăng bất thường phải tìm ra nguyên nhân.
		Mối nối không chặt	Xiết chặt lại ốc nối.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

+ Định kỳ:

STT	Chu kỳ	Hạng mục	Biện pháp
1	4 năm	Máy thổi khí	Thay bánh răng Thay giảm âm đầu hút/giảm âm đầu đẩy Kiểm tra/ thay thế ngàm, khớp nối mềm
2	2 năm	Máy thổi khí	Thay đệm Thay ổ bi Vệ sinh vỏ máy
		Bơm	Thay Mechanical seal
3	Hàng năm	Thùng, bể	Kiểm tra & sửa chữa ăn mòn, rò rỉ và hư hỏng.
		Bơm Máy khuấy	Kiểm tra tình trạng mài mòn, dầu Đại tu và thay thế các bộ phận nếu cần thiết. Thay dầu định kỳ.
		Nền móng	Kiểm tra và sửa chữa những chỗ bị xói mòn và hư hại
		Máy thổi khí	Thay dây đai Vệ sinh bộ lọc giảm âm đầu hút
		Bơm hóa chất	Kiểm tra và sửa chữa hoặc thay thế các phụ kiện hư hỏng
		Tủ điện Các thiết bị điện	Kiểm tra các thiết bị điện, độ cách điện, dòng điện, các mối nối của thiết bị trong tủ điện, kiểm tra thiết bị định giờ. Ngắt CB tổng, làm vệ sinh tất cả các linh kiện (khởi động từ, công tắc điện...) bên trong và bên ngoài tủ bằng cọ khô.
4	Định kỳ 3 tháng	Bơm định lượng	Thay nhớt hoặc mỡ mới tương ứng cho từng thiết bị đối với tất cả các mô tơ khuấy, bơm định lượng. Sơn lại các nơi bị rỉ sét. Kiểm tra các dây điện đấu vào máy.
		Máy thổi khí	Kiểm tra van an toàn Kiểm tra sự cách điện của mô tơ Kiểm tra/xiết chặt các bulon/mối nối Kiểm tra sức căng của dây đai Cấp dầu mỡ cho bánh răng, bạc đạn Thay dầu mỡ

5	Hàng tháng	Bơm chìm, đầu dò pH	Vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra các cánh quạt và sự rò rỉ điện của bơm, đầu dò pH
6	Hàng tuần	Bùn nổi bề lắng	Vớt bùn nổi trên bề mặt bể lắng và cho vào bể bùn
7	Hàng tuần	Máy thổi khí	Theo dõi mức dầu Theo dõi áp hoạt động của máy Kiểm tra cường độ dòng điện/điện thế Kiểm tra tiếng ồn, rung động, nhiệt độ của máy.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

➤ Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh chủ yếu tại dự án bao gồm:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án;
- Khí thải, mùi hôi từ quá trình nấu nướng ở khu vực nhà bếp của nhà hàng;
- Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu tập kết chất thải rắn;
- Khí thải, mùi hôi phát sinh từ mương thoát nước mưa, nước thải;
- Khí thải, mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải của HTXLNTTT.

➤ Công trình và biện pháp xử lý:

(+) **Giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án:**

- Bê tông hóa khuôn viên và đường nội bộ, thường xuyên phun nước tạo ẩm để hạn chế bụi phát tán.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên dự án nhằm hạn chế bụi cuốn theo các phương tiện vận chuyển và phương tiện khác.

- Hướng dẫn lưu thông hợp lý, tránh ùn tắc giao thông làm gia tăng hàm lượng khí thải ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

- Trồng và chăm sóc cây xanh thảm cỏ để tạo cảnh quan xanh nhằm giảm thiểu đến mức tối thiểu tác động của bụi và khí thải từ phương tiện giao thông ra vào cũng như xung quanh khu vực dự án. Các loại cây xanh lựa chọn bố trí trong khu vực dự án là các loại cây cảnh tạo tính thẩm mỹ, không gian xanh mát cho khu vực.

- Các xe lưu thông trong khu vực dự án cần giảm tốc độ để hạn chế bụi và khí thải phát sinh.

(+) **Giảm thiểu khí thải và mùi từ nhà bếp:**

Trang bị các máy hút, lọc khói khử mùi và quạt hút đưa khí thải ra ngoài thông thoáng nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện,...;

không sử dụng các loại nhiên liệu phát sinh nhiều khí thải như dầu, than.

Hoạt động đun nấu của nhà hàng cho dịch vụ ăn uống sử dụng nhiên liệu đốt là khí hoá lỏng (gas). Với đa phần là nhiên liệu hóa lỏng được đánh giá là nhiên liệu sạch nên tải lượng khí thải thấp, ít gây tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, để giảm thiểu mùi và khí thải từ việc đun nấu chủ đầu tư đã thực hiện các biện pháp như sau:

+ Bố trí chụp hút và quạt hút, đưa lượng khí này ra ngoài và thông thoáng tự nhiên tại nhà bếp.

+ Đối với mùi nấu ăn sử dụng máy hút khói bếp khử mùi khói bếp với các chức năng sau: triệt tiêu dioxid carbon, mùi thức ăn, lọc không khí. Sử dụng máy có màng lọc bằng than hoạt tính hút khói, khử mùi dùng cho nhà bếp. Khi hoạt động, máy sẽ hút khói lẫn mùi đi qua màng lọc để lọc khói, mùi. Sau đó, thông gió đưa không khí sạch vào nhà bếp.

(+) Giảm thiểu khí thải, mùi hôi và ruồi nhặng phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải tại khu vực lưu giữ chất thải:

Để giảm thiểu mùi hôi từ việc tập trung chất thải rắn, chủ đầu tư sẽ có những biện pháp giảm thiểu sau:

- Các thùng rác được thiết kế kín, có nắp đậy để hạn chế mùi hôi và ruồi nhặng phát sinh. Rác thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đưa đi xử lý.

- Chủ đầu tư dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đưa CTR sinh hoạt, CTNH đi xử lý đảm bảo theo quy định.

Việc thực hiện các công đoạn trên giúp giảm thiểu ô nhiễm mùi đồng thời cải tạo vệ sinh khu vực góp phần quan trọng trong việc giảm lượng ruồi nhặng.

(+) Giảm thiểu khí thải, mùi hôi phát sinh từ mương thoát nước mưa, nước thải:

- Hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải được xây dựng là hệ thống cống kín; tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn chất thải rắn, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc đường ống.

- Thường xuyên vệ sinh, khơi thông mương rãnh, cống thu gom và thoát nước thải.

(+) Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí khác trong khu vực:

- Chủ đầu tư đã bố trí bộ phận phụ trách môi trường để quét dọn sạch sẽ trong khuôn viên dự án nhằm hạn chế bụi cuốn theo các phương tiện giao thông ra vào khu vực.

- Tăng cường trồng cây xanh ở khu vực để giảm thiểu phát tán bụi, trên cơ sở diện tích quy hoạch trồng cây xanh chúng tôi sẽ bố trí trồng bổ sung cây xanh để giảm bụi phát tán ra môi trường xung quanh và điều hòa không khí khu vực.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố gas và trường hợp cần thiết sẽ phun chế phẩm sinh học như P.MET vào thùng tập kết rác, hệ thống xử lý nước thải để giảm mùi hôi.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của dự án để tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu và giảm khí thải.
- Vệ sinh khu vực nhà ăn, công trình vệ sinh thường xuyên.
- Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Trong khuôn viên Khu du lịch và nghỉ dưỡng Xuân Thành sẽ bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, mỗi điểm sẽ được bố trí 02-03 thùng để thuận tiện phân loại chất thải rắn, định kỳ sẽ có bộ phận phụ trách môi trường đi thu gom từ các điểm thu gom.

+ Tại các khu villa: Trước cổng mỗi căn hộ villa, sẽ bố trí 02 thùng đựng rác loại 5 lít (01 thùng đựng rác thải màu xanh có khả năng tái chế, 01 thùng đựng rác thải màu vàng không có khả năng tái chế) sau đó thu gom về 03 thùng loại 60 lít và đưa về tập kết tại diện tích 50 m² đặt tại phía Đông Nam của dự án (Khu biệt thự biển) (01 thùng đựng rác tái chế; 01 thùng đựng rác vô cơ; 01 thùng đựng rác dễ phân hủy).

Chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tập kết về bãi chứa chất thải thì hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ môi trường Nghi Xuân vận chuyển đi xử lý. Hợp đồng xử lý chất thải số 0201/2024/HĐVSMT/SA-NX ngày 02/01/2024 (Hợp đồng này được đính kèm phụ lục của báo cáo).



Hình 3. 10. Thùng chứa chất thải rắn

3.3.2. Bùn từ hệ thống XLNT

- Bùn ở bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng sử dụng phương tiện

chuyên dụng, định kỳ từ 1 năm/lần tiến hành hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn cặn nạo vét tại các mương thoát nước mưa (chủ yếu là lá cây, bụi từ đường, đất rơi vãi) được thu gom và nạo vét thủ công bằng ven, xẻng (định kỳ 3 tháng/lần) cho vào xe đẩy tay và đổ vào khu vực cây xanh.

3.3.3. Xử lý xác thực vật do quá trình cắt tỉa cành cây, cỏ

Cành cây, cỏ trong khuôn viên dự án sẽ được cắt tỉa định kỳ và lượng chất thải sinh ra không lớn, biện pháp xử lý thu gom và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt loại không tái chế được.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong khu vực dự án bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, các loại dầu mỡ thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, bao bì nhựa cứng thải, pin, ắc quy thải,...

Tại trạm Y tế phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm bao gồm:

+ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

+ Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

+ Pin, ắc quy thải bỏ;

- Chất thải lây nhiễm bao gồm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bao gồm: Kim tiêm, bơm liềm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Băng, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh);

Bảng 3. 5. Phân loại chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	2
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	2

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	4
4	Pin- ắc quy thải	16 01 12	Rắn	11
5	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất	20 01 35	Rắn	4
6	Dược phẩm thải bỏ	18 01 06	Rắn/lỏng	4
7	Chất thải lây nhiễm	18 01 03	Rắn/lỏng	6
Tổng cộng (kg)				33

Toàn bộ chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Trạm y tế được phân loại, lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/BYT ngày 26/11/2021, bố trí 03 thùng đựng có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng (01 thùng đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm; 01 thùng đựng chất thải lây nhiễm sắc nhọn; 01 thùng đựng chất thải lây nhiễm không sắc nhọn). Khi khối lượng đủ lớn sẽ đưa về xử lý theo Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 đối với chất thải y tế nguy hại lây nhiễm hoặc đăng ký với UBND huyện Nghi Xuân để 1 năm/lần vận chuyển đưa đi xử lý theo Kế hoạch số 227/KH-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 02/7/2021 về việc Thu gom, lưu giữ, chuyển giao xử lý chất thải nguy hại đối với các chủ nguồn thải chất thải nguy hại phát sinh số lượng dưới 600 kg/năm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hoặc thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định. Quá trình vận chuyển đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/BYT ngày 26/11/2021.

Chất thải nguy hại còn lại tại dự án phát sinh được thu gom lưu giữ trong 03 thùng phuy có nắp đậy với thể tích 200 lít mỗi thùng và có dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại khu đất có diện tích 10m² ở phía Đông Nam của dự án (khu biệt thự biển).

Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông.

Công ty đã giao cho Công ty TNHH tư vấn và quản lý bất động sản Sol Asia ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 2910/2023/HĐKT/SA-MTNA ngày 29/10/2023 với Công ty cổ phần xử lý môi trường Nghệ An. Công ty cổ phần xử lý môi trường Nghệ An được cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường với mã số QLCTNH: 1-2-3-4.104.VX (cấp lần 2) ngày 04/05/2020. (Hợp đồng này được đính kèm phụ lục của báo cáo).

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Công ty đã thực hiện các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung:

- *Đối với khu vực máy bơm nước, khu xử lý nước thải:*

+ Đề ra quy chế hoạt động về giờ giấc, việc sử dụng các thiết bị để đảm bảo không ảnh hưởng đến các du khách và đến khu vực lân cận.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành để tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu.

- *Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác:*

+ Hiện đại hóa thiết bị;

+ Lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung đối với các thiết bị gây rung có công suất lớn; ...

*** Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư:**

Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Để quá trình hoạt động của dự án được ổn định Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

a) Phòng ngừa, ứng phó sự cố do cháy nổ, sét đánh, điện giật:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy và an toàn điện trong quá trình quản lý và vận hành Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm tủ trung tâm báo cháy, các đầu dò báo cháy và báo nhiệt, chuông đèn, nút ấn báo cháy.... Hệ thống báo cháy được kiểm tra thường xuyên và phải nằm trong tình trạng sẵn sàng hoạt động theo đúng quy định phòng cháy chữa cháy.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng chống cháy cần thiết theo yêu cầu của cơ quan công an phòng chống cháy địa phương. Bao gồm việc xây dựng nội quy phòng chống cháy, trang bị các bình chữa cháy cá nhân, xây dựng bể dự trữ nước chữa cháy.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, sẽ có nội quy, quy định cũng như những hướng dẫn sử dụng cụ thể đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện; Hệ thống điện phải được lắp đặt các role chống sự cố để hạn chế chạm điện, những tình huống xấu do sự cố về điện gây ra.

- Khi phát hiện thấy lửa và nguy cơ gây cháy, bất kể ai cũng đều phải làm theo đúng các tiêu lệnh chữa cháy đã được chỉ dẫn sẵn trên từng hạng mục công trình. Ngoài việc loan báo và gọi điện đến đội PCCC chuyên nghiệp, phải tiến hành ứng cứu ngay sự cố bằng các phương tiện và dụng cụ chữa cháy.

- Giao thông phục vụ chữa cháy: Các tuyến đường giao thông nội bộ thông

thoáng, đảm bảo chiều rộng, chiều cao thông thủy phục vụ hoạt động chữa cháy và CNCH.

- Lắp đặt hệ thống chống sét: Thi công lắp đặt hệ thống chống sét theo đúng thiết kế và đã được cơ quan chức năng do kiểm định.

- Hệ thống điện đã hoàn thiện, được tiếp đất an toàn, các loại dây dẫn sử dụng đúng với thiết kế; Nguồn điện cấp cho các máy bơm chữa cháy được đấu nối nguồn riêng, ưu tiên.

- Biện pháp đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ đối với hệ thống gas nhà hàng:

+ Phải được lắp đặt an toàn hợp lý bởi đơn vị có uy tín.

+ Sử dụng bình gas có xuất xứ rõ ràng như Petro Limex hoặc Sai Gòn Petro.

+ Các thiết bị gas, van dây gas là loại tốt, chống xì.

+ Bình chứa Gas luôn đặt thẳng đứng, riêng biệt, cách xa nguồn lửa.

+ Không đặt bình gas gần nguồn điện, ổ cắm, công tắc. Khoảng cách các bình gas đến các nguồn lửa trần tối thiểu 1-1,5m.

+ Không để thiết bị đè lên dây dẫn mềm và không để dây dẫn mềm quá gần nguồn nhiệt của thiết bị sử dụng.

+ Khóa các van gas khi sử dụng xong. Trong trường hợp bật bếp nhiều lần nhưng không cháy nên dừng lại 1 phút để phân tán hết gas sau đó mới bật thử lại. Hạn chế sử dụng nguồn lửa ngoài để mỗi bếp.

+ Khi đun nấu phải trông coi, không để các vật dễ cháy như giẻ lau, đồ nhựa gần bếp đun.

+ Chú ý tắt điều áp và khóa van khi không sử dụng. Không được tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa van bình Gas.

+ Có thể lắp thêm các thiết bị an toàn gas để tăng độ an toàn khi sử dụng như báo rò rỉ gas, ngắt gas tự động.

+ Khi có sự cố rò rỉ Gas cần đóng ngay van xả Gas, tắt bếp, không bật công tắc điện, mở cửa thông thoáng, hạn chế cho người ngoài vào khu vực của bếp, dùng nước xà phòng bôi lên ống dẫn Gas, bình chứa Gas để tìm vị trí rò rỉ Gas (nên dùng xà phòng bánh), báo ngay công ty cung cấp gas đến xử lý.

+ Giữ bếp gas công nghiệp sạch sẽ.

+ Thường xuyên kiểm tra tình trạng ống dẫn gas, kẹp và các mối nối... để thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng. Nên thay ống dẫn gas của bếp gas công nghiệp sau 3 năm sử dụng.

+ Sử dụng đơn vị có uy tín để bảo hành, bảo trì hệ thống gas & các thiết bị bếp

sử dụng gas hàng năm để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động tốt, tiết kiệm gas & đảm bảo an toàn.

b) Phương án phòng ngừa hệ thống xử lý nước thải hư hỏng không hoạt động:

Để phòng ngừa sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án đầu tư đã thực hiện các biện pháp sau:

- Đối với sự cố tắc nghẽn đồng hồ đo lưu lượng nước thải:
- + Lựa chọn thiết bị ban đầu tốt, đúng mục đích sử dụng.
- + Bổ sung thêm các thiết bị phụ trợ như lưới chắn rác, lọc,.. để hạn chế tình trạng rác thải, cặn bản,...

+ Khởi thông dòng chảy, làm sạch cặn bản bám vào cánh quạt của đồng hồ.

- Đối với sự cố về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng:

+ Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong hệ thống như bơm chìm, máy khuấy, máy thổi khí... theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; đồng thời các thiết bị luôn có phương án dự phòng khi hoạt động.

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật tại các bể xử lý để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách:

+ Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách.

+ Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

+ Luôn cập nhật lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra thông qua đồng hồ đo lưu lượng (được lắp tại các vị trí tương ứng), vào sổ vận hành để theo dõi sự ổn định của HTXLNTTT, đồng thời cũng để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường:

+ Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian lưu. Trong thời gian này Chủ đầu tư phải khắc phục sự cố nhanh nhất.

+ Tăng cường công suất máy thổi khí của bể hiếu khí khi có sự cố.

+ Chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể thiếu khí.

Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát HTXLNT và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; Bố trí kinh phí hàng năm để vận hành và phòng ngừa, ứng phó, khắc

phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

+ Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và chất thải lỏng tại khu vực xử lý.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

+ Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sự cố kịp thời.

- Khi xảy ra các sự cố của hệ thống, nhân viên vận hành tuân thủ nguyên tắc nếu sự cố được khắc phục ngay tức thời thì tiếp tục cho hệ thống vận hành. Trường hợp không thể xử lý được sự cố trong thời gian ngắn báo với đơn vị lắp đặt có chuyên môn sửa chữa khắc phục trong thời gian ngắn nhất.

+ Thực hiện khẩn trương việc khắc phục sự cố theo chỉ dẫn của nhà cung cấp;

+ Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục;

+ Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ khu phức hợp, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

+ Ghi chép sự cố vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

c) Phòng ngừa sự cố thiên tai, bão lũ và ngập úng:

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, tu bổ, chằng chống lại nhà cửa, công trình công cộng, chống cây xanh, cột đèn; chặt phát cành cây gần khu vực đường dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện để phòng chập cháy. Đây là khu vực sát biển nên thường chịu tác động mạnh của gió bão do đó công tác phòng chống tác động do bão sẽ được Công ty đặc biệt quan tâm. Tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống kho tàng, cây xanh trong khách sạn; Kiểm tra, sửa chữa hệ thống thoát nước thải, nắp đậy các hố gas, tránh hiện tượng ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Tiến hành nạo vét hệ thống mương thoát nước thải, mương thoát nước mưa trong toàn khu vực công trình, nhằm hạn chế ngập lụt cuốn trôi chất bẩn gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

- Khi gió bão, triều cường vượt mức thiết kế chống chịu của đê biển gây vỡ đê Công ty sẽ kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng biết để có phương án ứng cứu và phối hợp xử lý, có biện pháp thu gom, ngăn chặn hạn chế chất thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

d) Sự cố tại khu vực bể bơi:

Để đảm bảo an toàn tại khu vực bể bơi, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp biển báo nội quy sử dụng hồ bơi như quy định những người không biết bơi, đặc biệt là trẻ em không biết bơi thì không được sử dụng hồ bơi, ghi rõ chiều sâu hồ bơi.

- Bố trí 01 nhân viên hướng dẫn bơi trực tiếp tại khu vực hồ bơi, người hướng dẫn bơi phải nắm rõ thao tác sơ cứu tại chỗ khi có sự cố; Bố trí 01 nhân viên bảo vệ hồ bơi để bảo vệ và ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra. Ghi tên, điện thoại người hướng dẫn bơi tại biển chỉ dẫn để người chưa biết bơi có thể liên hệ hướng dẫn bơi.

- Trang bị đầy đủ phao bơi cho các đối tượng không biết bơi, trang bị phao cứu sinh để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.

e) Phòng ngừa sự cố dịch bệnh:

- Tổ chức phun thuốc diệt muỗi và diệt vector truyền bệnh dịch: Dịch sốt xuất huyết, sốt rét và các dịch bệnh do côn trùng gây nên.

- Tiến hành vệ sinh khai thông cống rãnh, tránh ứ đọng nước thải, rác thải.

- Sử dụng hóa chất khử trùng tẩy rửa nhà vệ sinh. Định kỳ thay và xử lý nước thải tại hồ bơi đảm bảo theo quy định.

- Khi phát hiện tại địa phương đang có dịch, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

So với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, quá trình thi công dự án có một số điều chỉnh để phù hợp với thực tế hoạt động của dự án, cụ thể:

Bảng 3. 6. Tổng hợp các thay đổi so với ĐTM được phê duyệt

TT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 26/3/2008	Theo thực tế	Nhận xét
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất HTXL 120 m³/ng.đ - Nước thải từ quá trình đào thải của con người → Bể tự hoại 3 ngăn → HTXL tập trung. * Hệ thống xử lý tập trung: - Nước thải từ các nguồn thải phát sinh được xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về bể hiếu khí → bể lắng lọc → (tưới cây) 	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất HTXL 234 m³/ng.đ, gồm 5 trạm xử lý: + Trạm XLNT số 1 công suất 19m³/ngày đêm. + Trạm xử lý nước thải số 3 (công suất 147 m³/ngày đêm). + Trạm xử lý nước thải số 4 (công suất 42 m³/ngày đêm). + Trạm xử lý nước thải số 5 (công suất 153 m³/ngày đêm) + Trạm xử lý nước thải số 6 (Công suất 70 m³). - Nước thải từ quá trình đào thải của con người → Bể tự hoại → các trạm xử lý nước thải tập trung; 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án Khu dịch vụ và nhà ở Xuân Thành do Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành làm chủ đầu tư. Dự án được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 26/3/2008. Dự án được tách pháp nhân tại Văn bản số 1979/UBND-TM ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh đã có văn bản số 3098/STNMT-CCMT ngày 16/10/2019 đồng ý cho thay đổi một số nội dung về công nghệ và vị trí xây dựng xử lý nước thải, cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”

			<p>- Nước thải nhà ăn, bếp → Bể tách dầu mỡ → các trạm xử lý nước thải tập trung;</p> <p>- Nước thải từ rửa tay, chân, tắm giặt, nước thải từ trạm y tế → Song chắn rác → các trạm xử lý nước thải tập trung.</p> <p>* Hệ thống xử lý tập trung: Nước thải → Bể điều hoà → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực → Nguồn tiếp nhận.</p> <p>* Xử lý nước từ bể bơi: Nước bể bơi → Mương thu gom → hệ thống lọc tuần hoàn tái sử dụng.</p>	<p>+ Tách hệ thống xử lý nước thải có tổng công suất 520m³/ngày đêm (gồm 2 trạm xử lý nước thải với công suất 400m³/ngày đêm và 120m³/ngày đêm) thành hệ thống xử lý với công suất 589m³ (gồm 07 trạm xử lý nhỏ lẻ với công suất tương ứng với: trạm số 1: 19m³; trạm số 2: 24m³, trạm số 3: 42m³, trạm số 5: 153m³; trạm số 6: 70m³; trạm số 7: 134m³).</p> <p>+ Điều chỉnh công nghệ xử lý từ bể tự hoại Bastaf kết hợp hóa lý, sinh học sang công nghệ Johkasou Nhật Bản.</p> <p>+ Điều chỉnh tiêu chuẩn, quy chuẩn đầu ra của nước thải từ TCVN 5945:2005 và TCVN 6772:2000 sang QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 28:2010/BTNMT do TCVN 5945:2005 và TCVN 6772:2000 đã hết hiệu lực.</p>
2	Tiêu chuẩn xả thải và nguồn tiếp nhận	Nước thải sau xử lý đạt TCVN 6772-2000 (mức II) rồi đưa về hệ thống bể ngầm phục vụ tưới cây của sân Golf.	<p>- Nước thải sau khi xử lý tại các trạm XLNT số 1, 3, 4, 6 phải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1; trạm XLNT số 5 phải đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, áp dụng cột B, hệ số K = 1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.</p> <p>- Nguồn tiếp nhận nước thải hiện tại của Khu dịch vụ và nhà ở Xuân</p>	<p>- Những nội dung điều chỉnh trên cũng đã được chấp thuận tại Văn bản số 902/UBND-NL₂ ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thay đổi nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu du lịch biển và sân golf Xuân Thành.</p>

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”

			Thành là lạch Trộ Su tại thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân (tiếp nhận nước thải trạm XLNT số 1, 6) và vùng biển ven bờ xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (tiếp nhận nước thải trạm số 3, 4, 5).	
--	--	--	---	--

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ những nguồn:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà bếp, ẩm thực của nhà hàng trong khuôn viên dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại của nhà văn phòng, các căn biệt thự, khu dịch vụ công cộng.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực bồn rửa tay, tắm, giặt của nhà văn phòng, các căn biệt thự, khu dịch vụ công cộng, nhà trẻ, y tế.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng nước thải xả nước thải lớn nhất của Khu dịch vụ và nhà ở Xuân Thành là $431\text{m}^3/\text{ng.đ}$ tương đương $17,96\text{m}^3/\text{h}$, trong đó:

- Trạm XLNT số 1 công suất $19\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương với lưu lượng $0,79\text{m}^3/\text{h}$.

- Các trạm XLNT số 3, 4, 5 có tổng công suất $342\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương với lưu lượng $14,25\text{m}^3/\text{h}$.

- Trạm XLNT số 6 có công suất $70\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương với lưu lượng $2,92\text{m}^3/\text{s}$.

4.1.3. Dòng nước thải

- Số lượng dòng nước thải sau khi xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là 02 dòng nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung được xả ra 02 vị trí: dòng nước thải từ trạm số xử lý 1 và số 6 xả ra lạch Trộ Su; dòng nước thải từ các trạm xử lý số 3, 4, 5 được thải ra biển.

4.1.4. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

(1) Đối với trạm xử lý số 1, 3, 4 và 6:

- Số lượng thông số đánh giá (11 thông số): pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni, Nitrat (NO₃⁻ - N), Chất hoạt động bề mặt; Tổng dầu mỡ động thực vật, Phosphat (PO₄³⁻ - P), Tổng Coliform.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Trong đó:

+ C: là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1, mục 2.2 của

QCVN 14:2008/BTNMT.

+ K: là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3 (K=1, quy mô diện tích từ 50 phòng hoặc khách sạn được xếp hạng 3 sao trở lên);

+ Cột B: Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B₁ và B₂ của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

Như vậy, nước thải của dự án trước khi trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị C_{max} ở bảng sau:

Bảng 4. 1. Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn C _{max}
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

(2) Đối với trạm xử lý số 5:

- Số lượng thông số đánh giá (15 thông số): pH, BOD₅, COD, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni, Nitrat (NO₃⁻ - N), Phosphat (PO₄³⁻ - P), dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Trong đó:

+ C là giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm, làm cơ sở để tính toán C_{max}, quy định tại Bảng 1.

+ K là hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế, quy định tại Bảng 2.

Đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera trong

nước thải y tế, sử dụng hệ số $K = 1$.

Như vậy, nước thải của dự án trước khi trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị C_{max} ở bảng sau:

Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải y tế

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn C_{max}
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	COD		120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2
12	Tổng Coliforms	MPN/100mg	5.000
13	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH

- KPH: Không phát hiện.

- Thông số Tổng hoạt độ phóng xạ α và β chỉ áp dụng đối với các cơ sở khám, chữa bệnh có sử dụng nguồn phóng xạ.

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

Vị trí xả nước thải:

- Trạm XLNT số 1: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào hệ thống thoát nước chung và thoát ra lạch Trộ Su. Vị trí điểm xả thải của Trạm XLNT số 1 tại thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ vị trí các điểm xả thải và vị trí tiếp nhận nước thải theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰ như sau:

+ Điểm xả thải trạm XLNT số 1: $\begin{cases} X: 2061368 \\ Y: 0532074 \end{cases}$

Nguồn tiếp nhận là lạch Trộ Su, tại thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ vị trí tiếp nhận nước thải theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰ như sau:

+ Điểm tiếp nhận nước thải trạm XLNT số 1: $\begin{cases} X: 2061137 \\ Y: 0532444 \end{cases}$

- Trạm XLNT số 3, 4, 5: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực và thoát ra biển.

+ Vị trí xả thải trạm XLNT số 3, số 5 thuộc thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Vị trí xả thải trạm XLNT số 4 thuộc thôn Bắc Tây Nam, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ vị trí các điểm xả thải và vị trí tiếp nhận nước thải theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰ như sau

+ Điểm xả thải trạm XLNT số 3: $\begin{cases} X: 2060180 \\ Y: 0532779 \end{cases}$

+ Điểm xả thải trạm XLNT số 4: $\begin{cases} X: 2059749 \\ Y: 0532980 \end{cases}$

+ Điểm xả thải trạm XLNT số 5: $\begin{cases} X: 2059913 \\ Y: 0532747 \end{cases}$

Nguồn tiếp nhận nước thải từ trạm XLNT số 3, 4, 5 là vùng biển ven bờ tại thôn Bắc Tây Nam, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ vị trí tiếp nhận nước thải theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰ như sau:

+ Điểm tiếp nhận nước thải trạm XLNT số 3, 4, 5: $\begin{cases} X: 2059863 \\ Y: 0533154 \end{cases}$

- Trạm XLNT số 6: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào đường ống uPVC D110 và thoát ra lạch Trộ Su.

Vị trí điểm xả thải của Trạm XLNT số 6 tại thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn tiếp nhận nước thải là lạch Trộ Su tại thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tọa độ vị trí các điểm xả thải và vị trí tiếp nhận nước thải theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰ như sau:

+ Điểm xả thải trạm XLNT số 6: $\begin{cases} X: 2060269 \\ Y: 0531880 \end{cases}$

+ Điểm tiếp nhận nước thải trạm XLNT số 6: $\begin{cases} X: 2060282 \\ Y: 0532256 \end{cases}$

- **Phương thức xả thải:** Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1; QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2 rồi thải ra môi trường tiếp nhận. Nước thải được xả trên bề mặt nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy.

- **Nguồn tiếp nhận nước thải:**

+ Trạm XLNT số 1: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào đường ống uPVC D110, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung D600 tại khu vực nằm dọc

tuyến đường quy hoạch và thoát ra lạch Trộ Su bằng cống thoát bê tông cốt thép D1000. Chiều dài mương thoát nước chung dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là 395m.

- Trạm XLNT số 3, 4, 5: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn tương ứng được dẫn vào đường ống uPVC D110, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm dọc tuyến đường quy hoạch trong Khu du lịch Xuân Thành và thoát ra biển bằng cống thoát bê tông cốt thép D1000. Tổng chiều dài mương thoát chung dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận là 1.065m. Vị trí xả thải thuộc thôn Thành Vân, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Trạm XLNT số 6: Nước thải xử lý đạt quy chuẩn được dẫn vào đường ống uPVC D110 dài 420m và thoát ra lạch Trộ Su.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.2.1. Nguồn phát sinh

- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành.

- Hoạt động của thiết bị máy móc, động cơ điện (như máy bơm, máy thổi khí của trạm xử lý nước thải; ...).

4.2.2. Vị trí phát sinh

- Vị trí phát sinh tiếng ồn tại trạm xử lý nước thải, có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Trạm XLNT số 1: $\begin{cases} X: 2060368 \\ Y: 0532074 \end{cases}$

+ Trạm XLNT số 3: $\begin{cases} X: 2060180 \\ Y: 0532779 \end{cases}$

+ Trạm XLNT số 4: $\begin{cases} X: 2059749 \\ Y: 0532980 \end{cases}$

+ Trạm XLNT số 5: $\begin{cases} X: 2059913 \\ Y: 0532747 \end{cases}$

+ Trạm XLNT số 6: $\begin{cases} X: 2060269 \\ Y: 0531880 \end{cases}$

4.2.3. Tiêu chuẩn tiếng ồn

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như:

a. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

b. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn	Quy chuẩn áp dụng
1	Tiếng ồn	dBA	85	QCVN 24:2016/BYT

4.2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Đặt các biển báo hạn chế sử dụng còi của các phương tiện khi vào Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành. Đặt biển báo, báo hiệu giảm tốc độ các phương tiện khi ra vào dự án và quy định tốc độ ra vào đối với từng loại phương tiện;

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện, máy móc, nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn;

- Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 4.2.3./.

Chương V

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

5.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

STT	Công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất
1	Công trình xử lý nước thải	15/01/2025	15/04/2025	100%

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

5.1.2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý nước thải

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 5. 2. Kế hoạch dự kiến thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải

TT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Loại mẫu	Thời gian và tần suất quan trắc	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn so sánh
Giai đoạn vận hành ổn định (lấy mẫu 3 ngày liên tiếp)					
1	+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu vào HTXL số 1 (Ký hiệu: NT1). + 01 điểm tại vị trí nước thải đầu vào	Mẫu đơn	Thời gian: Trong thời gian vận hành ổn định; Tần suất: 03 đợt (liên tục trong 03 ngày, mỗi ngày 01 mẫu nước thải đầu vào)	Lưu lượng Q (m ³ /ngày.đêm), pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành”
tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”**

	<p>HTXL số 1 (Ký hiệu: NT2).</p> <p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu vào HTXL số 1 (Ký hiệu: NT3).</p> <p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu vào HTXL số 1 (Ký hiệu: NT4).</p>			<p>chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO_4^{3-}), Tổng Coliforms.</p>	<p>gia về nước thải sinh hoạt.</p>
2	<p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu ra (Ký hiệu: NT6) sau HTXL số 1.</p> <p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu ra (Ký hiệu: NT7) sau HTXL số 3.</p> <p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu ra (Ký hiệu: NT8) sau HTXL số 4.</p> <p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu ra (Ký hiệu: NT9) sau HTXL số 6.</p>	Mẫu đơn	<p>Thời gian: Trong thời gian vận hành ổn định;</p> <p>Tần suất: 03 đợt (liên tục trong 03 ngày, mỗi ngày 01 mẫu nước thải đầu ra)</p>		
3	<p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu vào HTXL số 5 (Ký hiệu: NT5).</p>	Mẫu đơn	<p>Thời gian: Trong thời gian vận hành ổn định;</p> <p>Tần suất: 03 đợt (liên tục trong 03 ngày, mỗi ngày 01 mẫu nước thải đầu vào)</p>	<p>Lưu lượng Q ($\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$), pH, BOD₅ (20⁰C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS),</p>	<p>QCVN 28:2010/BTN MT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B, K=1,2.</p>
4	<p>+ 01 điểm tại vị trí nước thải đầu ra (Ký hiệu: NT10) sau HTXL số 5.</p>	Mẫu đơn	<p>Thời gian: Trong thời gian vận hành ổn định;</p> <p>Tần suất: 03 đợt (liên tục trong 03 ngày, mỗi ngày 01 mẫu nước thải đầu ra)</p>	<p>Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-),</p>	

				Phosphat (PO_4^{3-}), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β , Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.	
--	--	--	--	---	--

5.1.2.2. Tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện lấy mẫu chất thải

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc:

- Đơn vị 1: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường

+ Địa chỉ: Số 06 đường La Sơn Phu Tử, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 061 (cấp lần 03) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 061/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

5.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Theo quy định tại Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới $500m^3/ngày$ (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Như vậy, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành cam kết các nội dung như sau:

“Các thông tin, số liệu, tài liệu được nêu, cung cấp trong Báo cáo cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành” là chính xác, trung thực, thông tin về tiến độ thực hiện dự án, kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định. Trường hợp cung cấp các thông tin không chính xác, không trung thực, Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm đảm bảo đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến dự án.
4. Tuyên truyền giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân.
5. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo đúng quy định.

Chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước, địa phương về công tác PCCC & CNCH.

6. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án:

- Nước thải sau xử lý của Dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1 đối với Trạm XLNT số 1, 3, 4 và 6; Nước thải sau xử lý của Dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B, K=1,2 đối với Trạm XLNT số 5.

- Chất thải rắn:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

8. Thực hiện việc lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình BVMT theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chấp hành chế độ báo cáo công tác BVMT hàng năm theo các quy định pháp luật nêu trên.

9. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi được cấp phép môi trường quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.